

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Thu Hằng

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG – 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH TRUYỀN HÌNH CÁP SAIGONTOURIST
- CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Trần Thị Thu Hằng

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Thu Hằng

Mã SV: 1717441002

Lớp: QTH2101

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist - Chi nhánh Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp;

- Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập;

- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2018 tại công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist - Chi nhánh Hải Phòng

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist - Chi nhánh Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: trường Đại học Dân lập Hải phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist - Chi nhánh Hải Phòng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ... tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày ... tháng năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Trần Thị Thu Hằng

Ths. Trần Thị Thanh Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2020

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
LỜI MỞ ĐẦU.....	3
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	5
1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	5
1.1.1 Sự cần thiết tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	5
1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.1.3 Các phương thức bán hàng và thanh toán trong doanh nghiệp	11
1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	15
1.2 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 133/2016/TT-BTC	16
1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	16
1.2.2 Kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	24
1.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	34
1.3 Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp.....	38
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung.....	38
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	39
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	40
1.3.4.Hình thức kế toán trên máy vi tính	41
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH CẤP SAIGONTOURIST – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG	42
2.1. Giới thiệu về công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng	42
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng	42
2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng	43
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lí tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng	44
2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng	46

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng	49
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng.....	49
2.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng.....	58
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng.....	62
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng	67
2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng	76
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH CÁP SAIGONTOURIST – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG	87
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng.....	87
3.1.1 Ưu điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng.....	87
3.1.2 Nhược điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng.....	88
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng.....	89
3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng.....	89
3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng	91
KẾT LUẬN	87
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	101

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn băn khoăn lo lắng là: “Hoạt động kinh doanh có hiệu quả hay không? Làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận”. Thật vậy, xét về mặt tổng thể các doanh nghiệp hiện nay không những chịu tác động của quy luật giá trị mà còn chịu tác động của quy luật cung cầu và quy luật cạnh tranh. Khi sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp được thị trường chấp nhận có nghĩa là giá trị của sản phẩm dịch vụ được thực hiện, lúc này doanh nghiệp sẽ thu về một khoản tiền, khoản tiền này gọi là doanh thu. Nếu doanh thu đạt được có thể bù đắp toàn bộ chi phí bất biến và khả biến bỏ ra, thì phần còn lại sau khi bù đắp được gọi là lợi nhuận. Bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn đạt được lợi nhuận tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lí, phần lớn trong các doanh nghiệp thương mại dịch vụ thì doanh thu đạt được chủ yếu do quá trình tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ. Do đó, việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thật vậy, để thấy được tầm quan trọng của hệ thống kế toán nói chung và bộ phận kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, em quyết định chọn đề tài khóa luận: “*Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng*”.

Qua việc nghiên cứu đề tài này có thể giúp chúng ta nắm rõ hơn về hoạt động tiêu thụ của doanh nghiệp, đánh giá được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xem xét việc thực hiện hệ thống kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở doanh nghiệp như thế nào, việc hạch toán đó có khác gì so với những kiến thức đã học được ở trường đại học hay không. Qua đó có thể rút ra được những ưu khuyết điểm của hệ thống kế toán đó, để từ đó đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng.

Về không gian: Nghiên cứu tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng.

Lấy số liệu của năm 2018 để minh họa.

- Các phương pháp sử dụng trong kế toán: Chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp cân đối.
- Phương pháp tổng hợp, phân tích
- Phương pháp chuyên gia

Kết cấu đề tài

Nội dung bài khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn TH.S Trần Thị Thanh Phương. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng Kế toán công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1 Sự cần thiết tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để quản lý tốt hoạt động của sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết hiệu quả của mình đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

- **Đối với doanh nghiệp:** Việc tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định và phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- **Đối với nhà đầu tư:** Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.
- **Đối với tổ chức trung gian tài chính:** Đối với các Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính để đưa ra các quyết định có nên cho doanh nghiệp đó vay hay không.
- **Đối với cơ quan quản lý vĩ mô của nền kinh tế:** Dựa vào số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ

quan thuế xác định các khoản phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước. Trên cơ sở đó, các nhà hoạch định chính sách Quốc gia đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.1 Doanh thu

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.. Các loại doanh thu: Tùy từng loại hình sản xuất kinh doanh, doanh thu bao gồm:

- ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*** là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm hàng hóa, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).
- ***Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:***
 - ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
 - ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
 - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
 - ✓ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - ✓ Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- ***Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:***
 - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định

người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- ✓ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- ✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó..

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng các giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ các hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán và doanh thu từ các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- *Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:*

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- *Doanh thu tài chính được xác định trên cơ sở:*

- ✓ Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- ✓ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền ghi nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận.

➤ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu:

- ✓ Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- ✓ Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- ✓ Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- ✓ Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- ✓ Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- ✓ Các khoản thu khác.

➤ **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách.
- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.
- **Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp:**

+ *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

+ *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

+ *Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:* là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kì tương ứng với doanh thu đã xác định.

1.1.2.2 Chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các loại chi phí:

a) **Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh:** bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.
- **Chi phí quản lý kinh doanh:** Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - ✓ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.
 - ✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí sau:
 - Chi phí nhân viên quản lý: Gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.
 - Chi phí vật liệu quản lý: Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ dùng chung của doanh nghiệp.
 - Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.
 - Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao cho những tài sản dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.
 - Thuế phí, lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà, đất, thuế môn bài và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.
 - Chi phí dự phòng: Khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.
 - Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, chi tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo

cán bộ và các khoản chi khác.

b) Chi phí hoạt động tài chính: Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

c) Chi phí khác: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.

d) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

➤ **Kết quả kinh doanh từ hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của toàn bộ sản phẩm, hàng hóa dịch

vụ đã được xác định tiêu thụ trong kỳ và các khoản thuế phải nộp theo quy định Nhà nước.

Kết quả hoạt động KD = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí quản lý kinh doanh

Trong đó: Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại, thuế TTDB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp).

➤ **Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động đầu tư tài chính như: thu nhập về đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ và chi phí hoạt động đầu tư tài chính như: chi phí lãi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết thực tế phát sinh trong kỳ.

Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính

➤ **Kết quả kinh doanh từ hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa thu nhập khác như: thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, bồi thường do vi phạm hợp đồng, thu thanh lý tài sản cố định và chi phí khác như: chi phí thanh lý tài sản cố định, chi bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế phát sinh trong kỳ.

Kết quả kinh doanh khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

❖ **Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:**

- **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán.
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh.
- **Lợi nhuận từ hoạt động khác** = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.
- **Lợi nhuận kế toán trước thuế** = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động khác
- **Lợi nhuận sau thuế TNDN** = Lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN

1.1.3 Các phương thức bán hàng và thanh toán trong doanh nghiệp

1.1.3.1 Các phương thức bán hàng

- **Phương thức bán hàng trực tiếp:** Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất (không qua

kho) của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

- ✓ **Bán buôn:** Là phương thức bán hàng qua lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn xuất bán thẳng.

Bán buôn hàng hóa qua kho: là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

+ Trường hợp giao hàng trực tiếp:

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 111, 112, 131..

Có TK 511

Có TK 3333

Phản ánh giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632

Có TK 156

+ Trường hợp giao hàng theo hình thức chuyển hàng

Xuất kho chuyển cho bên mua:

Nợ TK 157

Có TK 156

Khi hàng hoá xác định là tiêu thụ:

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 111, 112, 131..

Có TK 511

Có TK 3333

Phản ánh giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632

Có TK 157

Bán buôn hàng hóa vận chuyển thẳng: là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà xuất bán thẳng cho bên mua.

Khi mua hàng của bên bán, doanh nghiệp không nhập kho, định khoản:

Nợ TK 157

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331...

Khi bên khách hàng mua chấp nhận hàng hoá, định khoản:

Nợ TK 111, 112, 131..

Có TK 511

Có TK 333

Ghi nhận giá trị mua:

Nợ TK 632

Có TK 157

- ✓ **Bán lẻ:** Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dung. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dung. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.
- **Phương thức bán hàng qua đại lý:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định là tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

Định khoản:

Nợ TK 157

Có TK 155, 156

Nhận được bảng kê từ đại lý của hàng hoá đã tiêu thụ, định khoản:

Nợ 111, 112, 131

Có TK 511

Có TK 333

Phản ánh giá vốn:

Nợ TK 632

Có TK 157

Tiền hoa hồng thanh toán đại lý:

Nợ TK 6421

Nợ Tk 133

Có TK 131, 111, 112

- **Phương thức trả góp, trả chậm:** Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi

giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

Khi bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp thì phát sinh doanh thu bán hàng (theo giá bán chưa có thuế GTGT và là giá trả tiền ngay) và tiền lãi trả chậm trả góp (phần chênh lệch giữa giá bán trả chậm trả góp với giá bán trả tiền ngay chưa có thuế GTGT). Kế toán ghi sổ như sau:

Nợ các TK 111, 112

Nợ TK 131 (chi tiết người mua)

Có TK 511: Số tiền theo giá bán trả tiền ngay một lần

Có TK 3331: Thuế phải nộp tính trên giá bán trả tiền ngay một lần

Có TK 3387 “Doanh thu chưa thực hiện”: Tiền lãi trả chậm trả góp

Ghi nhận giá vốn (trị giá thực tế xuất kho) của hàng bán trả chậm trả góp.

Hàng bán trả chậm trả góp, chúng ta ghi nhận giá vốn như bán hàng thông thường khác, ghi sổ:

Nợ TK 632

Có TK 154, 155, 156

Xác định và kết chuyển tiền lãi bán hàng trả chậm trả góp trong kỳ (trong tháng), ghi:

Định kỳ (hàng tháng), phải xác định và kết chuyển lãi bán hàng trả chậm trả góp sang doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ (trong tháng), ghi sổ:

Nợ TK 3387 “Doanh thu chưa thực hiện” : Tiền lãi trả chậm trả góp phải kết chuyển trong kỳ.

Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” Tiền lãi trả chậm trả góp phải kết chuyển trong kỳ.

Khi thực thu tiền bán hàng trả chậm trả góp

Khi Doanh nghiệp thu được tiền bán hàng trả chậm trả góp, gồm cả phần tiền lãi trả chậm trả góp và tiền giá bán trả tiền ngay (doanh thu và thuế), ghi sổ:

Nợ các TK 111, 112: Số tiền thu được (bằng tiền mặt, tiền gửi).

Có TK 131: Số tiền thu được (ghi giảm công nợ phải thu).

- **Phương thức hàng đổi hàng:** Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa được cung ứng trên thị trường.
- **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa các đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp.

Khi xuất kho sản phẩm, hàng hoá để tiêu dùng nội bộ, ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có các TK 155, 156.

Đồng thời ghi doanh thu bán hàng nội bộ:

Nợ các TK 154, 642,...

Nợ TK 156

Có TK 511

Có 333

Đồng thời phản ánh số thuế GTGT đầu ra cho sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng nội bộ được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 333 (33311)(Thuế GTGT)

1.1.3.2 Các phương thức thanh toán

Việc thanh toán với người mua về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra được thực hiện bằng:

- Phương thức trả ngay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Phương thức trả chậm, trả góp.

1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh trong kì.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp.
- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.
- Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.2 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 133/2016/TT-BTC

1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.
- Phù hợp: Khi ghi nhận doanh thu phải ghi nhận một khoản chi phí phù hợp.
- Thận trọng: Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT), hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động.

Các TK cấp 2:

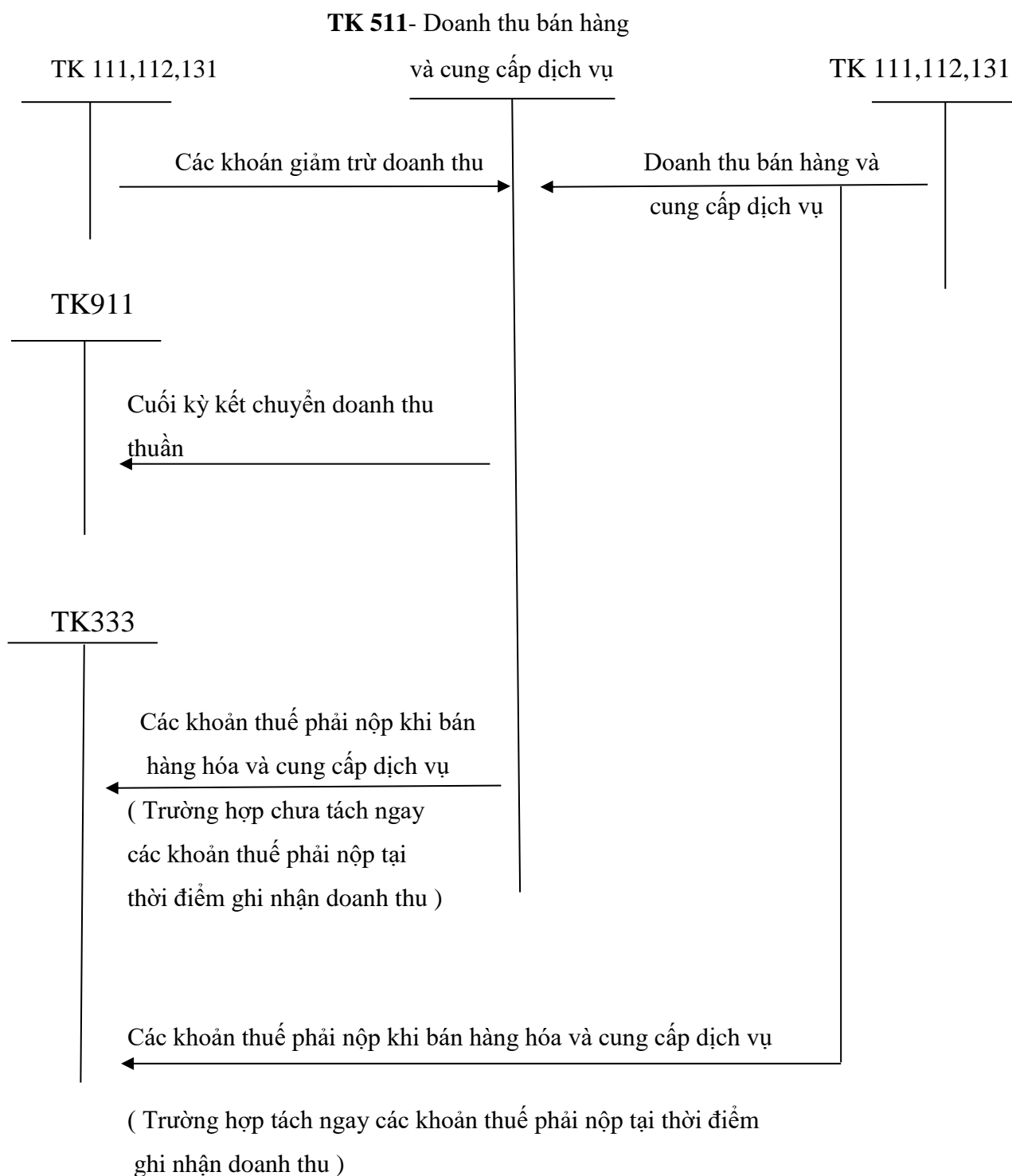
- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118: Doanh thu khác

❖ **Kết cấu của tài khoản 511:**

Nợ	TK 511	Có
-Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Các khoản giảm trừ doanh thu; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 511 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán**



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

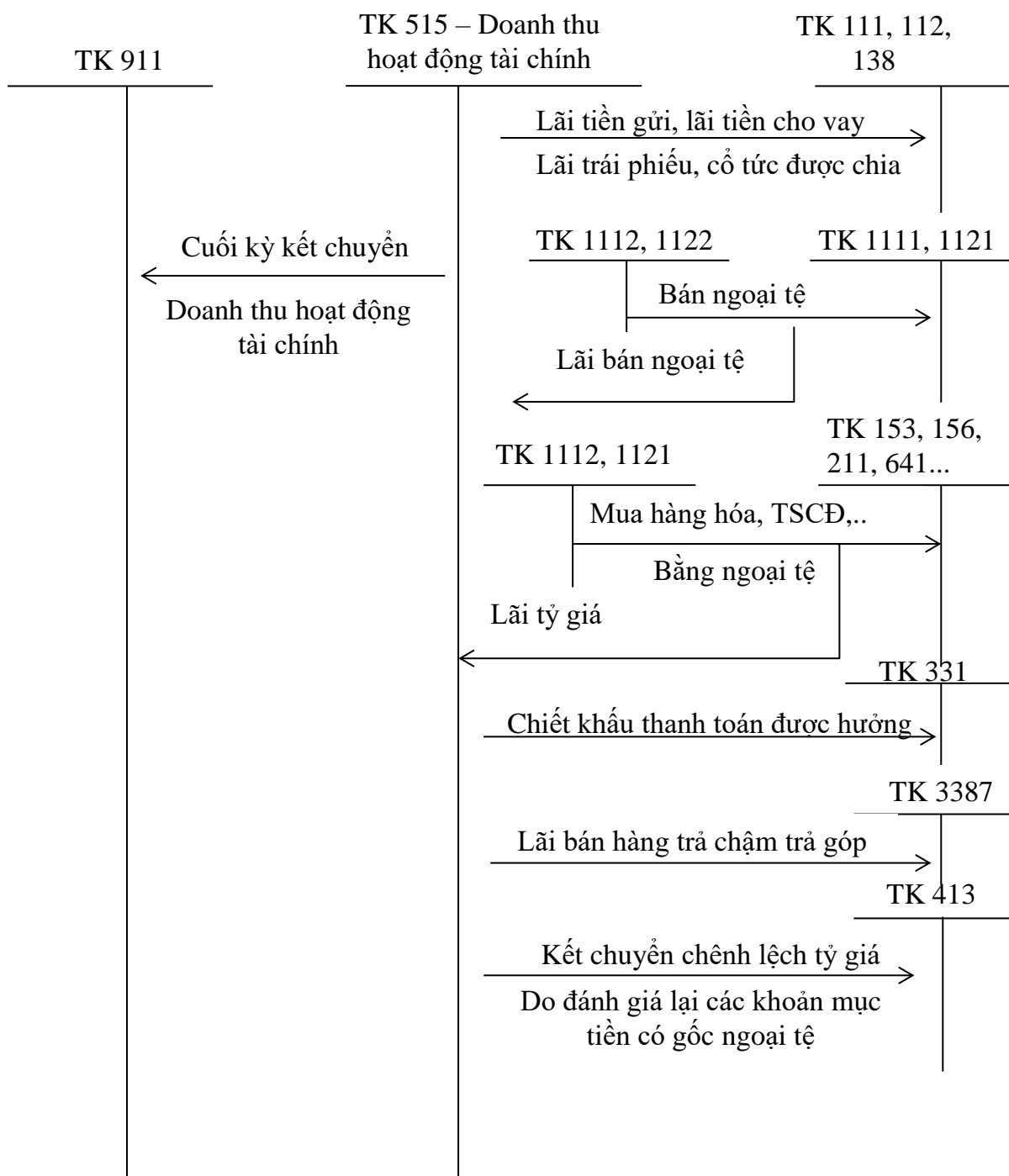
❖ **Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 515 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Quy trình hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.1.3 Kế toán thu nhập khác

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
- Các giấy tờ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

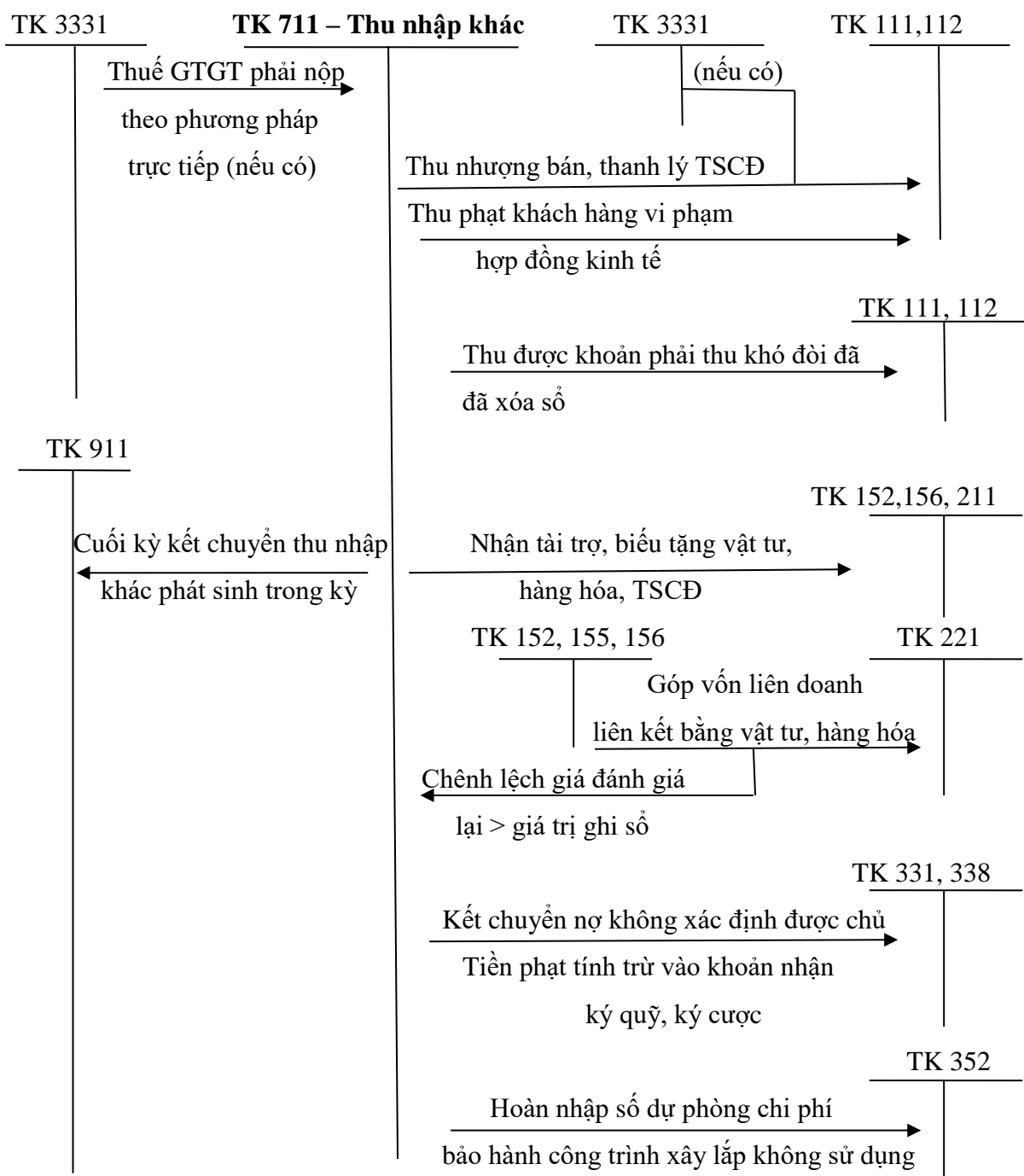
TK 711 – Thu nhập khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

❖ **Kết cấu tài khoản 711**

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ. - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp. - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch Toán**



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.2.2 Kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong ba phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong “Chuẩn mực kế toán Hàng tồn kho”.

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ

✓ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

✓ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

✓ Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)
- Phiếu xuất (mẫu 02 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng**

Tài khoản 632– Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

• **Kết cấu tài khoản 632:**

➤ *Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

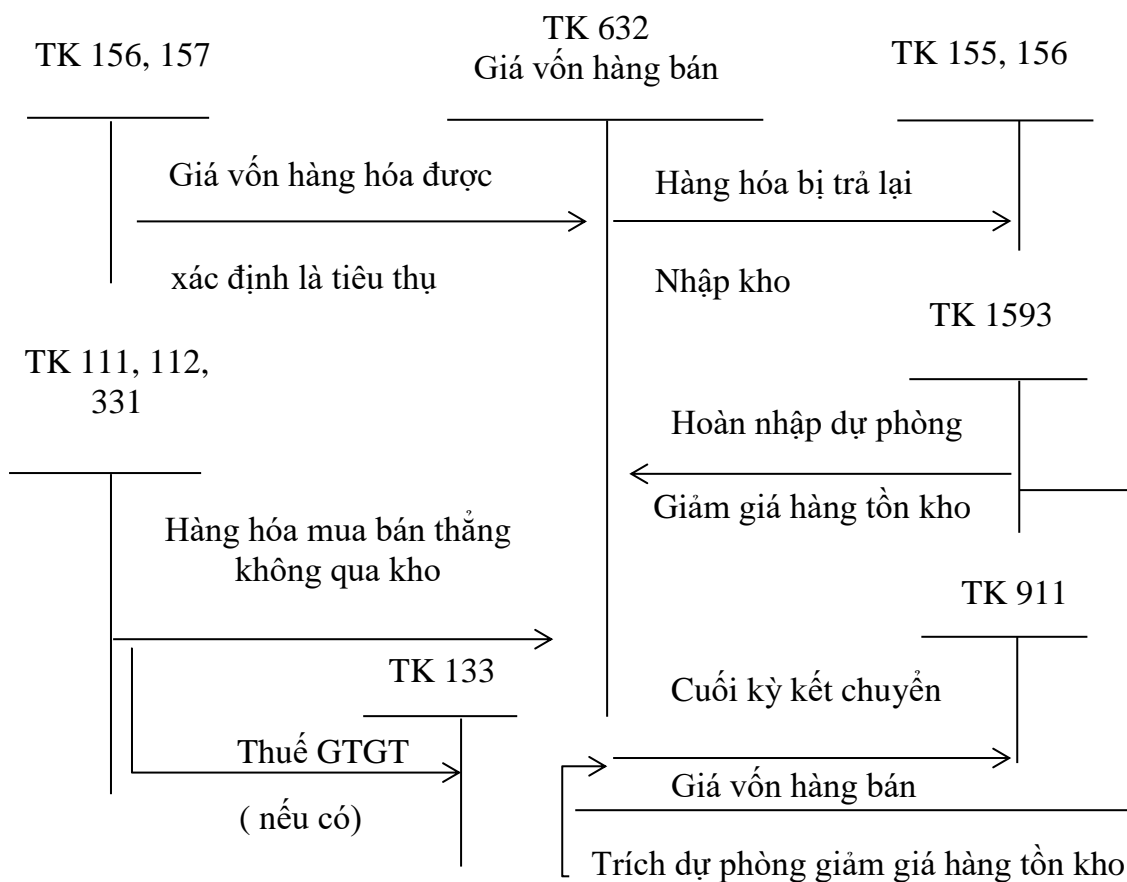
Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911:" Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

➤ *Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

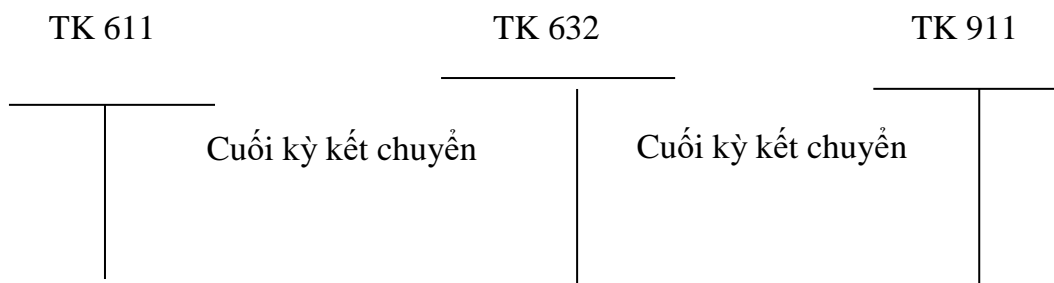
Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ; - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 632 không có số dư đầu và cuối kỳ.

Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán
(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

1.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Giấy báo có

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

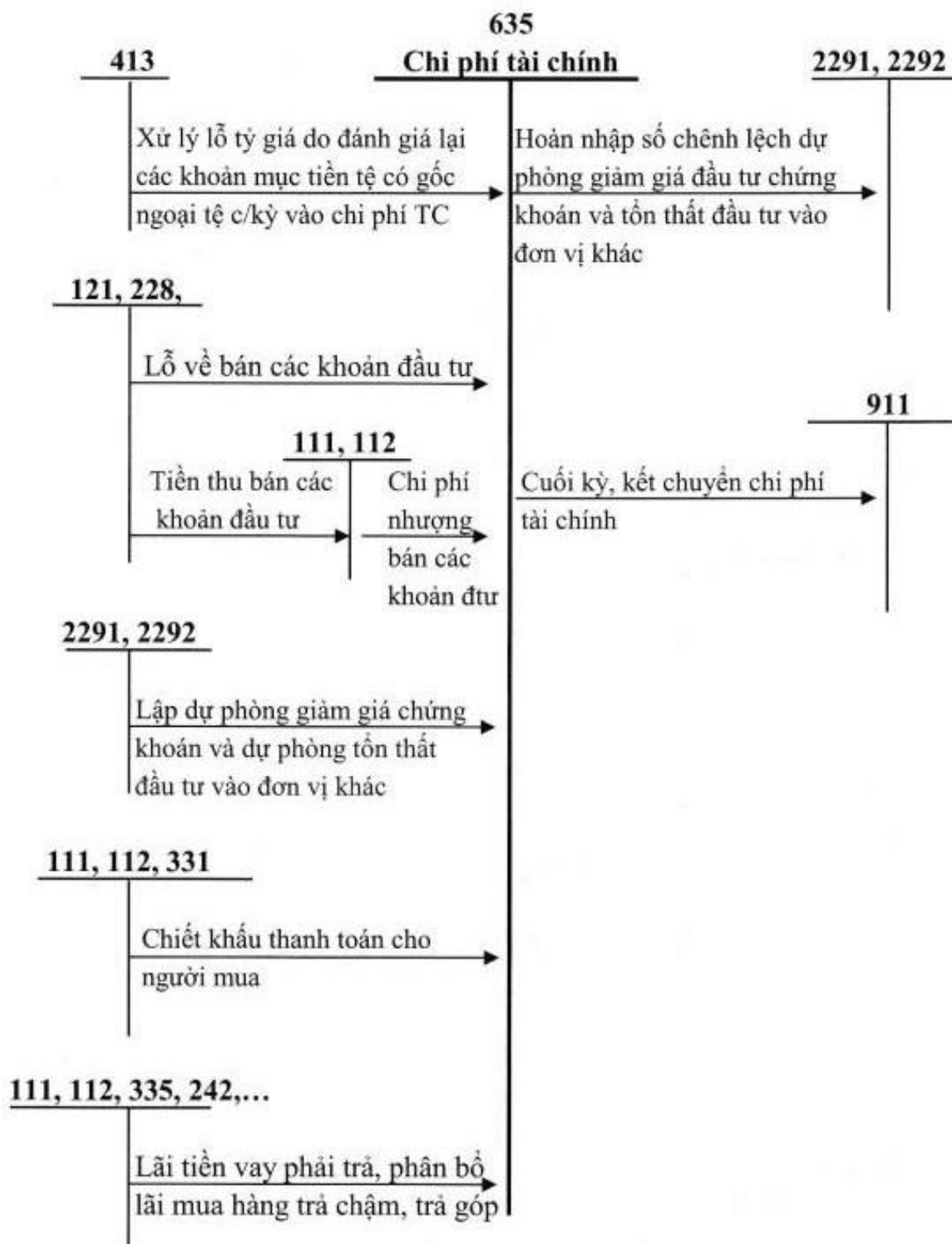
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

❖ **Kết cấu của tài khoản 635:**

Nợ	TK635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ khi bán ngoại tệ; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

❖ **Sơ đồ hạch toán**



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (mẫu số 07 – VT)
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 GTKT3/001)
- Phiếu chi (mẫu số 02 – TT)
- Phiếu kế toán
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Các tài khoản cấp 2:

TK 6421 – Chi phí bán hàng

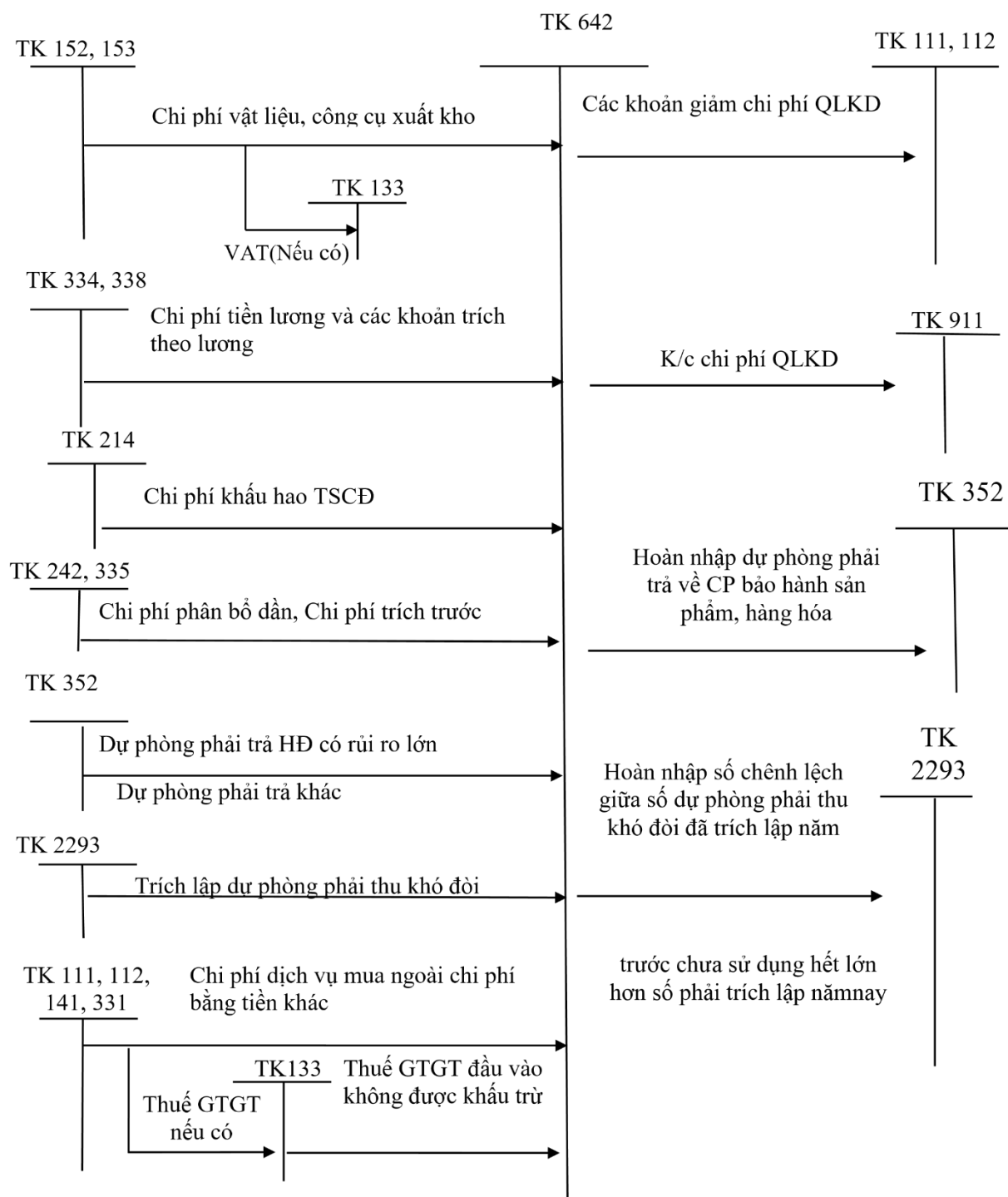
TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Kết cấu của tài khoản 642:**

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 642 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.2.4 .*Kế toán chi phí khác*

❖ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

❖ *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 811 – Chi phí khác

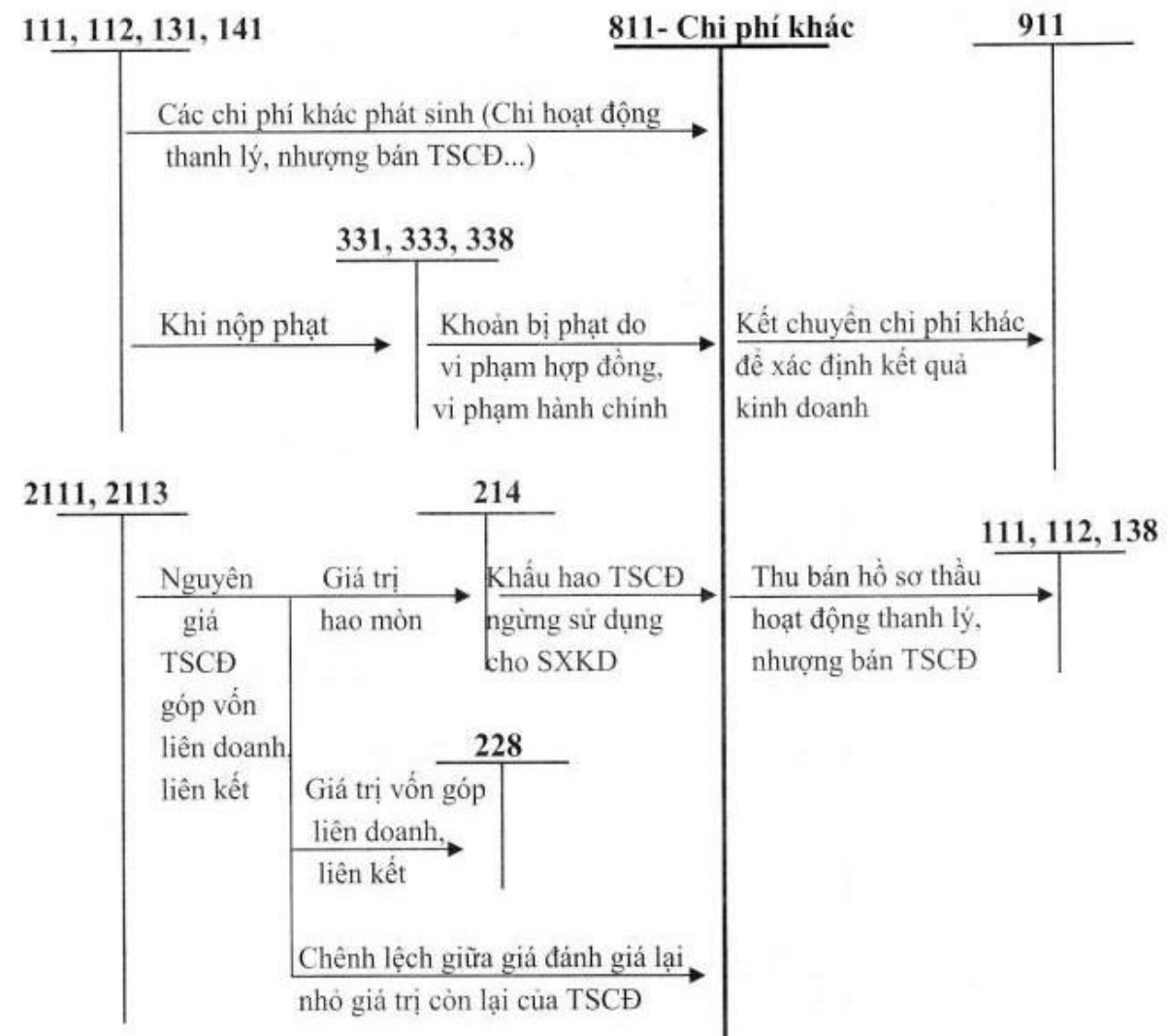
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các nghiệp vụ riêng biệt với những hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

❖ *Kết cấu tài khoản 811:*

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kì sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
∑ Số phát sinh Nợ		∑ Số phát sinh Có

Tài khoản 811 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ *Sơ đồ hạch toán*



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

➤ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

❖ Kết cấu của tài khoản 911

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ **Kết cấu của tài khoản 821:**

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 821 không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

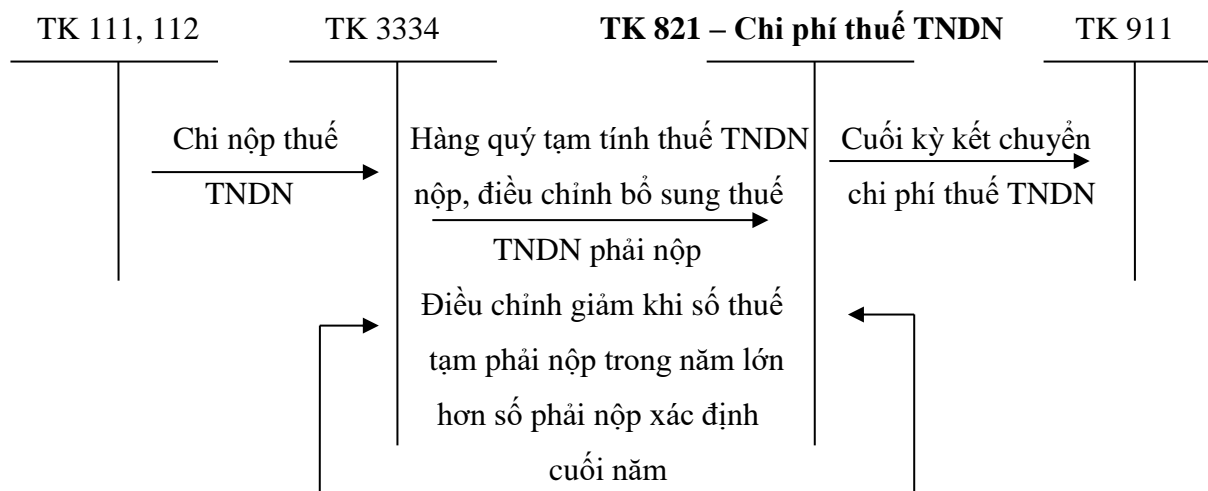
Các tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.*
- *Tài khoản 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.*

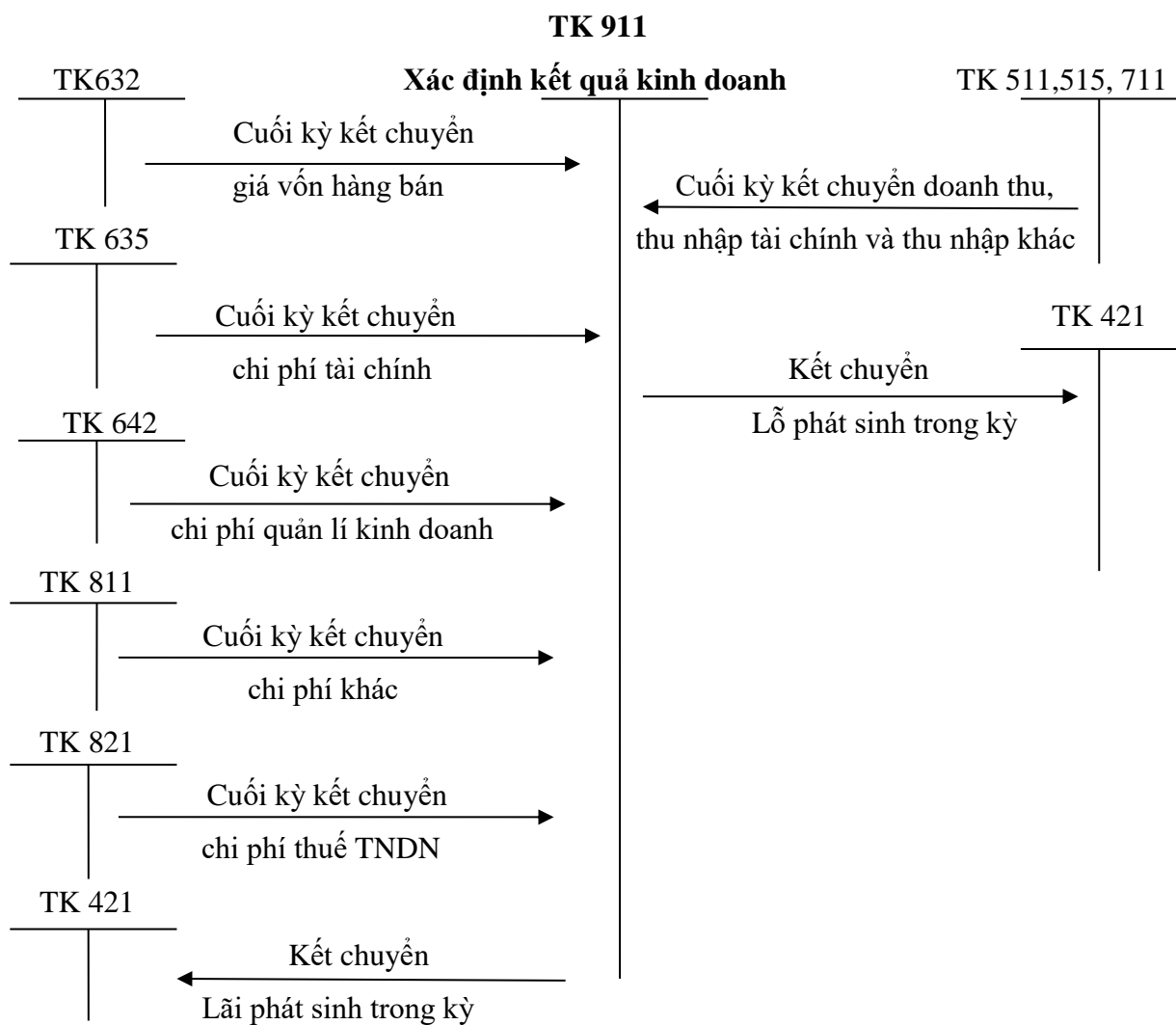
❖ **Kết cấu của tài khoản 421:**

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh; - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh; - Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ; - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên; - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

❖ *Sơ đồ hạch toán*



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



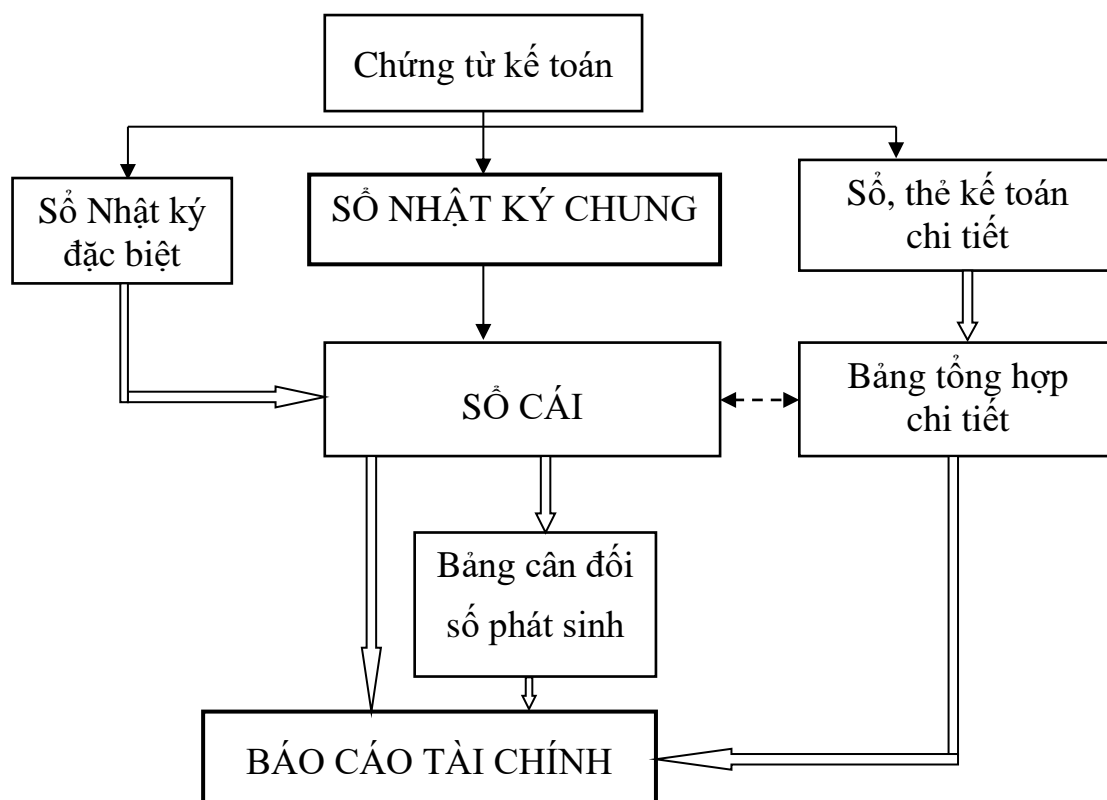
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3 Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung

❖ **Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

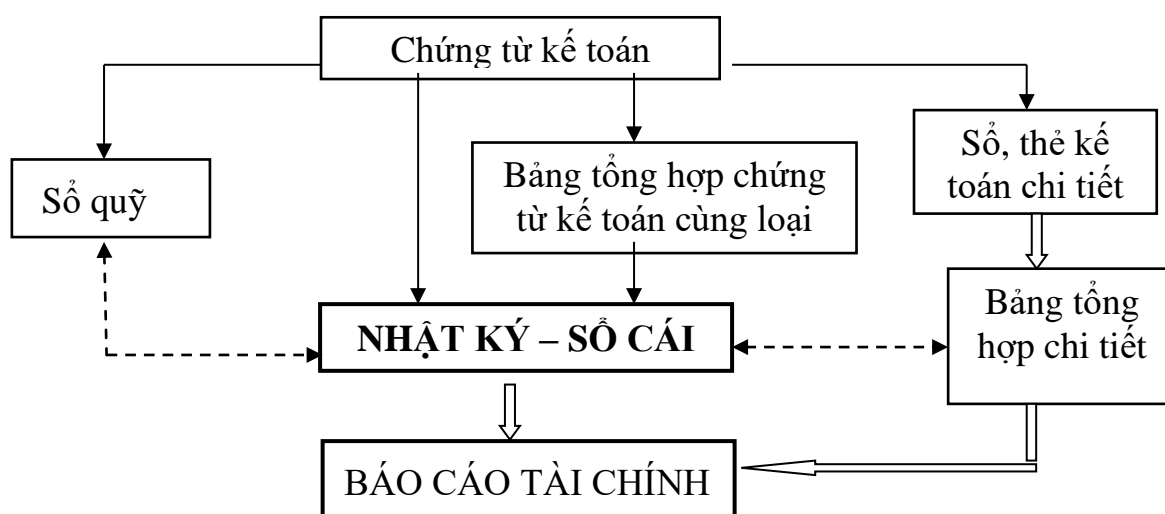
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇨
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ⇄

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

❖ **Đặc điểm:**

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký – Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.12 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ **Đặc điểm:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

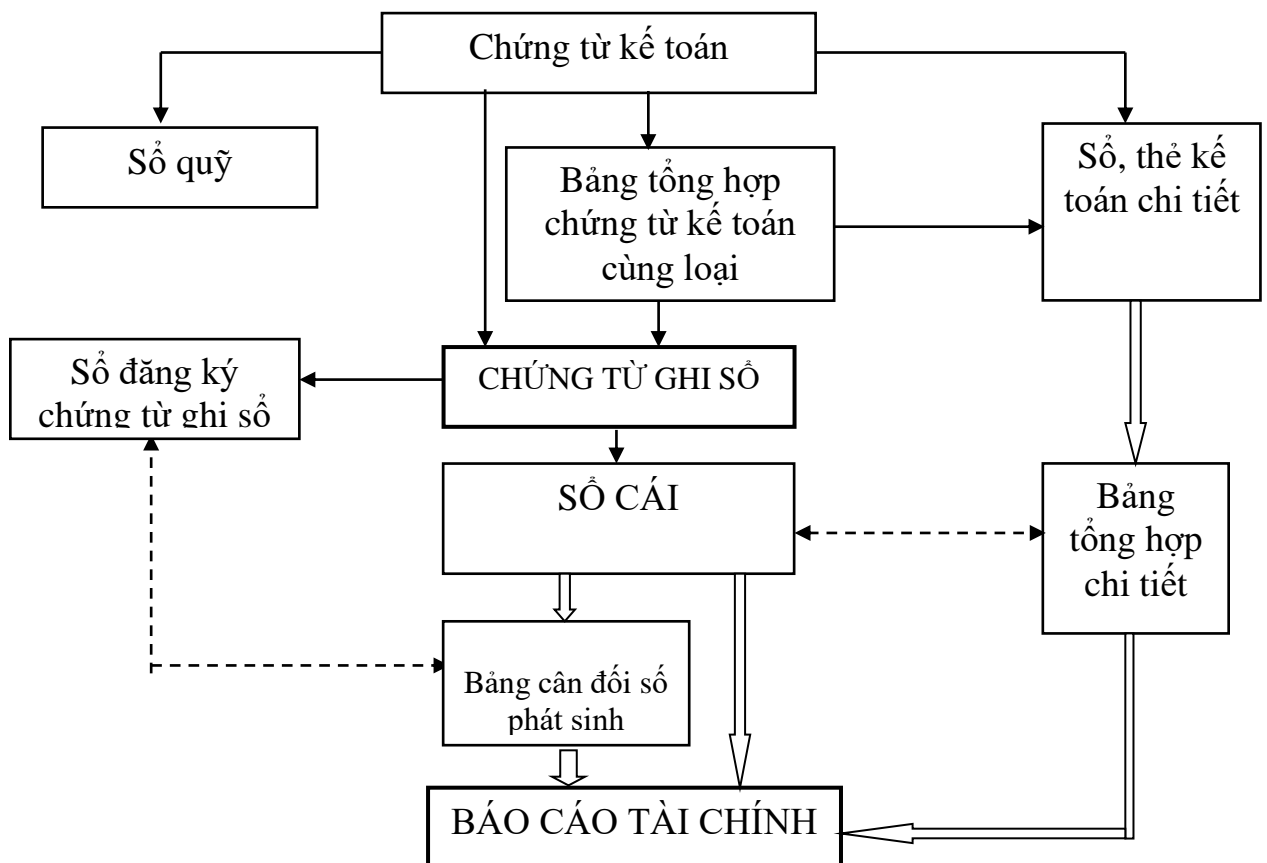
Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

❖ **Các loại sổ:** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.13 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

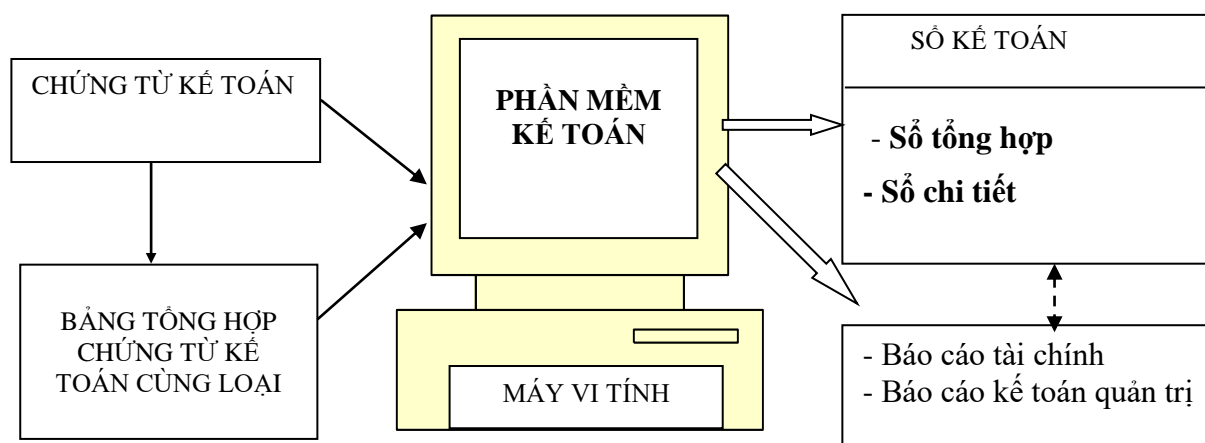
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ **Đặc điểm:** công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ **Các loại sổ:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**



Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇨
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH CẤP SAIGONTOURIST – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

2.1. Giới thiệu về công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng

Tên giao dịch: Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

Tên viết tắt: Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

Đại diện pháp luật: Trần Văn Kham

Ngày cấp giấy phép: 10/01/2014

Ngày hoạt động: 10/01/2014

Giấy phép kinh doanh: 0301463315-080

Tài khoản số: 0031000183342 / 102010001923-146

Ngân hàng: Ngân hàng Vietcombank – CN Hải Phòng/ Ngân hàng Viettinbank – CN Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh của công ty:

- Ngành nghề chính: Hoạt động truyền hình
- Ngoài ra đơn vị còn kinh doanh về hoạt động viễn thông có dây, hoạt động viễn thông khác, hoạt động thiết kế chuyên dụng

Hoạt động và phát triển theo tiêu chí “thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng, đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ đã cung cấp”, với đội ngũ nhân viên năng lực và giàu kinh nghiệm, công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng đã trở thành một công ty có uy tín trong lĩnh vực cung cấp hoạt động truyền hình và lắp đặt các thiết bị viễn thông tại Việt Nam. Thành công của doanh nghiệp được ghi nhận qua hàng loạt các hợp đồng, các dự án có giá trị với cơ quan Nhà nước, các công ty, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước.v.v.

Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng nỗ lực phát triển các dịch vụ tư vấn thiết kế thi công hệ thống viễn thông, đi đầu trong lĩnh vực về truyền hình và hoạt động viễn thông tự tin để trở thành một thương hiệu tầm vóc và tin cậy hàng đầu Việt Nam – nhằm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu bảo đảm an toàn về người và tài sản của khách hàng trong thời kỳ hội nhập, đóng góp tốt cho xã hội và môi trường, vì sự phát triển nghề nghiệp và chất lượng cuộc sống ngày càng tốt hơn của đội ngũ nhân viên.

Hệ thống cơ sở hạ tầng được chuyển giao, tiếp nhận và tiến hành nâng cấp, phát triển mở rộng và tiến hành quản lý, phát triển khách hàng cũng được tập trung đẩy mạnh, chất lượng dịch vụ được nâng cao, số lượng kênh chương trình được đảm bảo. Đến cuối năm 2014, SCTV- EG Hải Phòng đã cơ bản được nâng cấp xong hệ thống mạng cáp để tiến tới đưa dịch vụ truyền hình cáp, kỹ thuật số, internet, VoD vào hệ thống nhằm cung cấp tới khách hàng đa dịch vụ có chất lượng cao trên mạng cáp.

Bên cạnh việc tập trung chuyển giao, nâng cấp mạng cáp, chi nhánh vẫn đẩy mạnh công tác phát triển thuê bao nhằm đảm bảo các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và đảm bảo các chỉ tiêu SXKD công ty giao cho. Tính đến hết năm 2014, tính đến hết năm 2014, số lượng thuê bao của chi nhánh đạt gần 52.000 thuê bao điểm chính.

Với quyết tâm và nỗ lực không ngừng, SCTV – EG Hải Phòng có cơ sở để tin tưởng vào những gặt hái thành công sắp tới ngày một to lớn hơn, vững chắc hơn trên con đường sự nghiệp của mình.

2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

2.1.2.1 Thuận lợi

Doanh nghiệp luôn luôn tiếp tục đẩy mạnh sang một số lĩnh vực thương mại khác.

Lực lượng cán bộ, công nhân viên của đơn vị nhiệt tình công tác, cố gắng phấn đấu để hoàn thành chỉ tiêu trong lĩnh vực của mình.

Được phân cấp rộng rãi về công tác tài chính, đầu tư xây dựng cũng như mua sắm vật tư, hàng hóa.....

2.1.2.2. Khó khăn

Khối lượng quản lý trên địa bàn rộng lớn ảnh hưởng đến công tác kiểm tra, sửa chữa.

Giá nguyên vật liệu biến động tăng cao làm ảnh hưởng không nhỏ đến đầu thầu khai thác vật tư thiết bị và làm tăng chi phí xây lắp và sửa chữa của đơn vị.

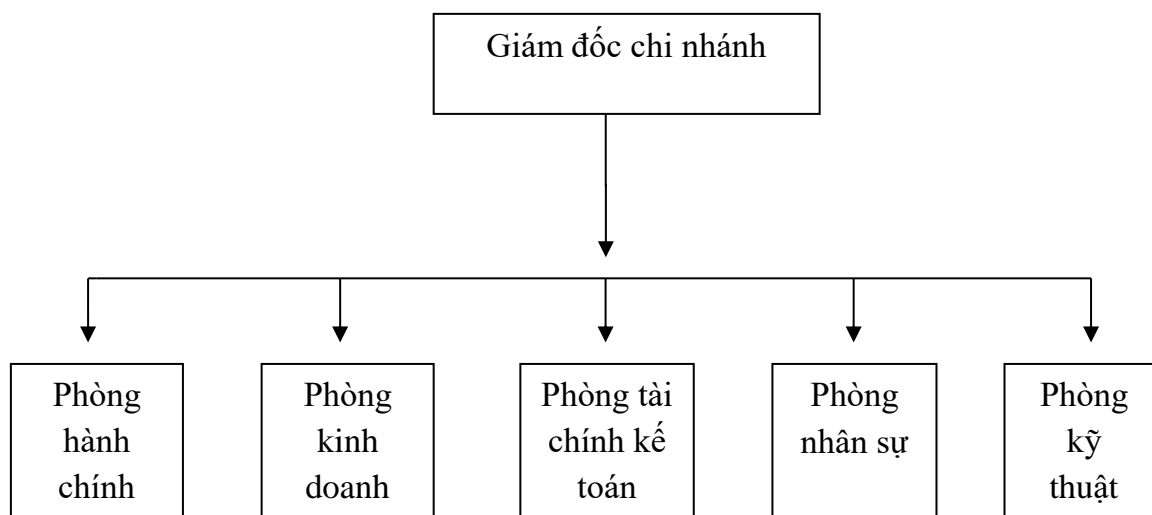
Một số nhân sự vừa mới được bổ sung về các phòng, ban tham mưu của đơn vị có trình độ chuyên môn còn non trẻ cần phải có thời gian rèn luyện phấn đấu.

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

2.1.3.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty

Trải qua 5 năm hoạt động và phát triển cùng với sự thay đổi của cơ chế thị trường, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh của Công ty đã có nhiều cải tiến. Có thể nói, hiện nay bộ máy quản lý đã đạt được sự hoàn thiện và đem lại hiệu quả cao.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý được khái quát qua sơ đồ 2.1 như sau



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

2.1.3.2 Chức năng các phòng ban

Như chúng ta thấy, bộ máy này được tổ chức theo kiểu trực tuyến chức năng. Người tối cao và duy nhất có quyền ra quyết định là Giám đốc. Chức năng chủ yếu của các bộ phận:

- *Giám đốc chi nhánh*: là người đại diện pháp luật của công ty, là người có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của chi nhánh Hải Phòng với Ban lãnh đạo của công ty mẹ, cụ thể:

+ Điều hành, quyết định và chịu trách nhiệm về các mặt hoạt động của công ty.

+ Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác của công ty theo quy định của pháp luật.

+ Trực tiếp kí các hợp đồng kinh tế.

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty.

- *Phòng hành chính*: quản lý thủ tục hành chính, chế độ chính sách của Công ty, cung cấp thông tin về nhân viên cho giám đốc đồng thời đưa ra quy định thủ tục hành chính hợp lý để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả nhất.

- *Phòng kinh doanh*: có chức năng nghiên cứu lập kế hoạch kinh doanh, tiêu thụ hàng hóa dịch vụ đồng thời lập kế hoạch sản xuất, thực hiện các chính sách của Công ty trong quan hệ với bạn hàng.

- *Phòng tài chính kế toán*: tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của đơn vị quản lý vốn, tài sản cố định, vật tư, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong từng thời kì, đề xuất cho giám đốc các phương án tổ chức kế toán hợp lý phù hợp với công ty, lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo đúng mẫu và thời gian quy định.

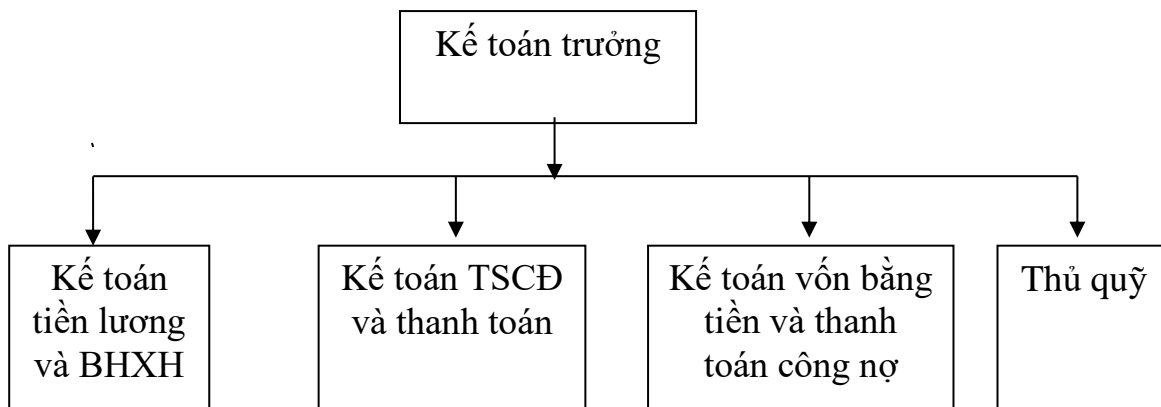
- *Phòng nhân sự*: có nhiệm vụ quản lý lao động, tình hình tuyển dụng lao động, khen thưởng, tăng lương trả thưởng cho cán bộ công nhân viên, thường xuyên báo cáo lên giám đốc tình hình lao động, đề xuất các biện pháp tiết kiệm lao động, tác động qua lại với các phòng ban.

- *Phòng kỹ thuật*: quản lý sử dụng, sửa chữa, mua sắm thiết bị, lắp đặt cáp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty. Xây dựng phương án kỹ thuật cho các dự án các loại các điểm lắp cáp cho người tiêu dùng đảm bảo tiến độ, an toàn chất lượng khối lượng cho các mặt hàng.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty được khái quát qua sơ đồ 2.2 như sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

Phòng kế toán theo dõi toàn bộ hoạt động thu chi tài chính của công ty, thực hiện toàn bộ công tác hạch toán từ việc xử lý chứng từ đến lập báo cáo tài chính. Trong phòng kế toán mỗi người có nhiệm vụ chức năng riêng nhưng có mối quan hệ hỗ trợ cho nhau trong quá trình làm việc. Nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận:

Kế toán trưởng: là người tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty.

+ **Nhiệm vụ của kế toán trưởng:** tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, hợp lý phù hợp với quy mô phát triển của công ty và theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

+ **Phân công lao động kế toán hợp lý,** hướng dẫn toàn bộ công việc kế toán trong phòng kế toán, từng nhân viên kế toán phát huy được khả năng chuyên môn, tạo sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận kế toán có liên quan, góp phần thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của kế toán cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để phục vụ cho việc chỉ đạo việc hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

+ **Tổ chức kiểm kê định kỳ tài sản, vật tư tiền vốn,** xác định giá trị tài sản theo mặt bằng thị trường.

+ Chịu trách nhiệm lập và nộp đúng hạn báo cáo quyết toán thống kê với chất lượng cao. Tổ chức bảo quản giữ tài liệu chứng từ, giữ bí mật các số liệu thuộc quy định của Nhà nước.

- Kế toán tiền lương và BHXH: có nhiệm vụ chủ yếu là tổ chức kiểm tra, tổng hợp, lập báo cáo tài chính của công ty, giúp kế toán trưởng tổ chức bảo quản lưu trữ hồ sơ tài liệu kế toán. Tổ chức kế toán tổng hợp và chi tiết các nội dung hạch toán còn lại như: nguồn vốn kinh doanh, các quỹ doanh nghiệp. Mặt khác kế toán tổng hợp còn kiêm luôn nhiệm vụ kế toán tiền lương và BHXH.

- Kế toán TSCĐ và thanh toán: có nhiệm vụ chủ yếu là phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm, tình hình sử dụng xe vận tải và các TSCĐ khác của công ty, tính khấu hao, theo dõi sửa chữa, thanh lý nhượng bán xe tải và các TSCĐ khác...và phối hợp với kế toán công nợ thanh toán công nợ, thanh toán với Nhà nước.

- Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán công nợ: theo dõi và hạch toán kế toán vốn bằng tiền, TSCĐ, tài sản lưu động, nguồn vốn và các quỹ xí nghiệp, theo dõi chi phí và các khoản công nợ nội bộ, thanh toán với ngân sách Nhà nước và phân phối lợi nhuận.

- Thủ quỹ: có nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ Bảo quản tiền mặt, thu tiền và thanh toán chi trả cho các đối tượng theo chứng từ được duyệt.

+ Hàng tháng vào sổ quỹ, lên các báo cáo quỹ, kiểm kê số tiền thực tế trong kết phải khớp với số dư trên báo cáo quỹ. Thủ quỹ phải có trách nhiệm bồi thường khi để xảy ra thất thoát tiền mặt do chủ quan gây ra và phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của nhà nước về quản lý tiền mặt.

+ Hàng tháng tổ chức đi thu tiền ở các tổ chức hay cá nhân còn thiếu và rút tiền mặt ở tài khoản ngân hàng về nhập quỹ.

2.1.4.2 Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng áp dụng

- **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- **Niên độ kế toán:** Bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

- **Đơn vị tiền tệ** mà công ty sử dụng trong ghi chép kế toán, báo cáo quyết toán là đồng nội tệ – Đồng Việt Nam (VND).

- **Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:** Theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

- **Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho:** Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho:** Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- **Phương pháp tính thuế GTGT:** Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2.1.4.3 Tổ chức hệ thống sổ kế toán

❖ Hình thức ghi sổ: kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký chung.

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:

-Bảng cân đối kế toán (mẫu số B-01/DNN)

-Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B-02/DNN)

-Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B-03/DNN)

-Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B-09/DNN).

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

Mục tiêu của mỗi công ty là sản phẩm, hàng hóa bán ra được nhiều mà chi phí bỏ ra là thấp nhất để thu được nhiều lợi nhuận. Trong khi đó, muốn thành phẩm, hàng hóa tiêu thụ được thì công ty phải có những chính sách về bán hàng hợp lý, muốn chi phí bỏ ra thấp thì đòi hỏi khả năng quản lý tốt của chủ doanh nghiệp. Vì thế muốn có lợi nhuận cao thì phải có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận, giữa các nhân viên và giữa các khâu với nhau.

Những thông tin từ kết quả hạch toán tiêu thụ sản phẩm hay hạch toán chi phí là thông tin rất cần thiết đối với các nhà quản trị trong việc tìm hướng đi cho công ty để đề ra kế hoạch sản xuất tiêu thụ cho phù hợp. Việc thống kê các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, tỉ mỉ và khoa học sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có được các thông tin chi tiết về tình hình tiêu thụ cũng như hiệu quả sản xuất của từng mặt hàng tiêu dùng trên thị trường khác nhau. Từ đó, nhà quản trị có thể tính được mức độ hoàn thành kế hoạch, xu hướng tiêu dùng, hiệu quả quản lý chất lượng cũng như nhược điểm trong công tác tiêu thụ của từng loại sản phẩm, hàng hóa. Trên cơ sở đó, công ty xác định được kết quả kinh doanh, thực tế lãi cũng như số thuế nộp Ngân sách Nhà nước. Và cuối cùng nhà quản trị sẽ đề ra kế hoạch sản xuất của từng loại sản phẩm trong kỳ hạch toán tới, tìm ra biện pháp khắc phục những yếu điểm để hoàn thiện công tác tiêu thụ sản phẩm trong công ty.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

2.2.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Giấy báo có của Ngân hàng

2.2.1.2 Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 511, 111, 112, 131,...

2.2.1.3 Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131: Phải thu khách hàng
- TK 111: Tiền mặt

- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

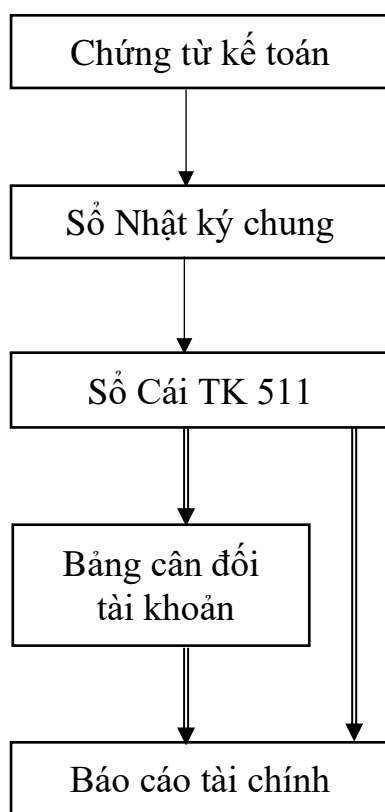
2.2.1.4. Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty

Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra kế toán làm căn cứ ghi sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các tài khoản.

Định kỳ cuối tháng kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái để lập Báo cáo tài chính.



Ghi chú: → Ghi hàng ngày
 ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

2.2.1.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ minh họa 1: Ngày 24/6/2018 công ty thu tiền thiết kế và lắp đặt mạng truyền hình cáp và đường truyền Internet cho công ty Delta Việt Nam - KCN Vsip Thuỷ Nguyên bằng tiền gửi ngân hàng, số tiền : 50.000.000đ, VAT: 10%, thanh toán bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000839 (**biểu số 2.1**), Giấy báo có (**biểu số 2.2**), kế toán ghi sổ nhật kí chung (**biểu số 2.5**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.6**). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.


Ví dụ minh họa 2: Ngày 02/12/2018 công ty thu tiền thiết kế và lắp đặt mạng truyền hình cáp và đường truyền Internet cho công ty Việt Phát, địa chỉ: Lê Chân - Hải Phòng bằng tiền mặt, số tiền: 16.900.000đ, VAT: 10%.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 00001230(**biểu số 2.3**), phiếu thu số 1021 (**biểu số 2.4**), kế toán ghi sổ nhật kí chung (**biểu số 2.5**) từ nhật ký chung vào sổ cái(**biểu số 2.6**). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 0000839 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/16P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000839			
<i>Ngày 24 tháng 6 năm 2018</i>					
Đơn vị bán hàng: Chi nhánh Công ty TNHH truyền hình cáp SaiGonTourist – Chi nhánh TP Hải Phòng					
Mã số thuế: 0301463315-080					
Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Điện thoại: 0225.3522.856					
Số tài khoản: 102334678999 tại Ngân hàng công thương Hồng Bàng - Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DELTA VIỆT NAM					
Mã số thuế: 0201649530					
Địa chỉ : Lô CN2 – KCN Vsip , Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK		Số tài khoản: 102334678999			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thiết kế, lắp đặt truyền hình cáp và đường truyền Internet 142/HĐKT SGT-VP				50.000.000
Cộng tiền hàng:					50.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		5.000.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					55.000.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng chẵn./.</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.2: Giấy báo có (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

	
Ngày in: 24/6/2018 Giờ in: 09:59:32	
GIẤY BÁO CÓ Số: 0000384	
Số tài khoản: 102334678999	
Tên tài khoản: Công ty TNHH Truyền thông cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách đã được ghi có với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi Có: 102334678999	
Số tiền bằng số: 55.000.000đ	
Số tiền bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng chẵn.	
Nội dung: Công ty TNHH công nghệ Delta Việt Nam thanh toán HĐ 0000839	
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0001023 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

HOÁ ĐƠN GTGT		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: AA/16P			
Ngày 02 tháng 12 năm 2018		Số: 0001230			
Đơn vị bán hàng: Chi nhánh Công ty TNHH truyền hình cáp SaiGonTourist – Chi nhánh TP Hải Phòng					
Mã số thuế: 0301463315-080					
Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Điện thoại: 0225.3522.856					
Số tài khoản: 102334678999 tại Ngân hàng công thương Hồng Bàng - Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Phạm Văn Hoàng					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Việt Phát					
Mã số thuế: 0200830512					
Địa chỉ: Số 728A5 đường Thiên Lô, phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Lắp đặt truyền hình cáp và đường truyền Internet 182/HĐKT SGT-VP				16.900.000
Cộng tiền hàng					16.900.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.690.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					18.590.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Giám đốc <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.4: Phiếu thu (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Chi nhánh Công ty TNHH truyền hình cáp SaiGonTourist – Hải Phòng
Số 155 đường Hà Nội, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: 01 - TT
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

PHIẾU THU

Ngày 02 tháng 12 năm 2018

Số: 1021

Nợ TK 111: 18.590.000
Có TK 511: 16.900.000
Có TK 3331: 1.690.000

Họ và tên người nộp tiền: Công ty CP xây dựng và thương mại Việt Phát.
Địa chỉ: :Số 728A5 đường Thiên Lô, phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Lý do thu: Lắp đặt truyền hình cáp và đường truyền internet theo HĐ 0001230
Số tiền: 18.590.000đ
Viết bằng chữ: Mười tám triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./.
Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 02 tháng 12 năm 2018.

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười tám triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./.

Biểu số 2.5: Sổ Nhật ký chung (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng
 Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DNN
 (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2018

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...
PC431	02/06	Nộp tiền vào TK			112	140.500.000	
					1111		140.500.000
...
GBC384 HD 0000839	24/6	Bán hàng cho Công ty TNHH truyền thông Delta Việt Nam			112	55.000.000	
					511		50.000.000
					3331		5.000.000
...
PT1021 HD1230	02/12	Bán hàng cho công ty CP XD và TM Việt Phát			111	18.590.000	
					511		16.900.000
					3331		1.690.000
...
HD 00001231	03/12	Bán hàng cho CT TNHH Nam Thuận			131	23.768.261	
					511		21.607.510
					3331		2.160.751
...
		Cộng				220.944.116.481	220.944.116.481

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6: Sổ Cái TK 511 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng
 Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 Năm 2018

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 SHTK: 511

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...
GBC384 HĐ 0000839	24/6	Bán hàng cho Công ty TNHH truyền thông Delta Việt Nam			112		50.000.000
PT1021 HD1230	02/1 2	Bán hàng cho công ty CP XD và TM Việt Phát			111		16.900.000
		
HĐ 0000543	16/8	Bán hàng cho công ty TNHH Nam Thuận			131		21.607.510
...
PKT218	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			911	26.208.306.047	
		Cộng				26.208.306.047	26.208.306.047

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

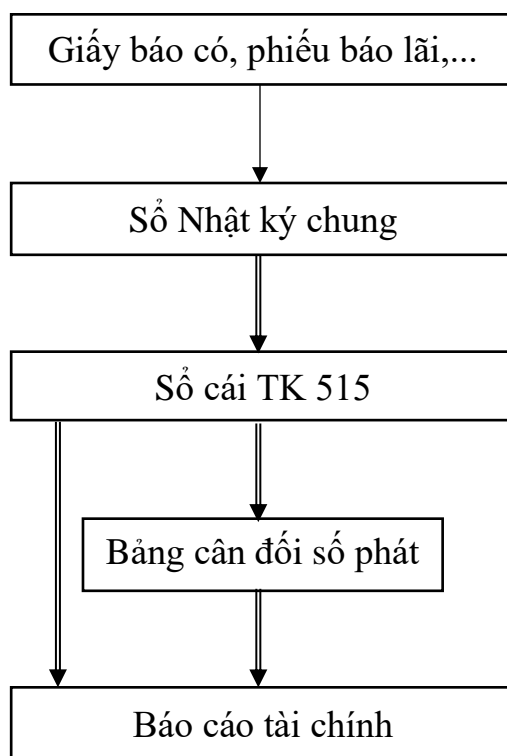
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- ...

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.2.3. Trình tự ghi sổ



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

 =====> Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

2.2.2.4. Ví dụ minh họa


***Ví dụ minh họa:** Ngày 30/06/2018, nhận lãi tiền gửi ngân hàng, số tiền 650.512 đồng.

- Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng (**Biểu số 2.7**) kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.8**)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 515 (**Biểu số 2.9**)

Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.7: Giấy báo có (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

	
Ngày in: 24/6/2018 Giờ in: 09:59:32	
GIẤY BÁO CÓ Số: 0000393	
Số tài khoản: 102334678999 Tên tài khoản: Công ty TNHH Truyền thông cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách đã được ghi có với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi Có: 102334678999 Số tiền bằng số: 650.512 Số tiền bằng chữ: Sáu trăm năm mươi nghìn năm trăm mười hai đồng. Nội dung: Lãi tiền gửi	
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT

Biểu số 2.8: Sổ nhật ký chung (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cấp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng
Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, HP

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...
GBC 393	30/06	Lãi tiền gửi			112	650.512	
					515		650.512
...
GBN 321	27/06	Thanh toán tiền hàng Cty Giang Châu			331	55.000.000	
					112		55.000.000
...
GBC 295	02/07	Nộp tiền vào TK			112	137.500.000	
					1111		137.500.000
GBN 352	02/07	Phí chuyển tiền			642	41.250	
					133	4.125	
					112		45.375
...
		Cộng				220.944.116.481	220.944.116.481

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 515 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng
Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2018

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

SHTK: 515

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...
GBC393	30/06	Lãi tiền gửi			112		650.512
GBC407	24/07	Lãi tiền gửi			112		670.256
GBC 399	24/08	Lãi tiền gửi			112		685.545
...
PKT219	24/12	Kc doanh thu hoạt động tài chính			911	6.652.083	...
		Cộng ps				6.652.083	6.652.083
		SDCK					

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng

2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho

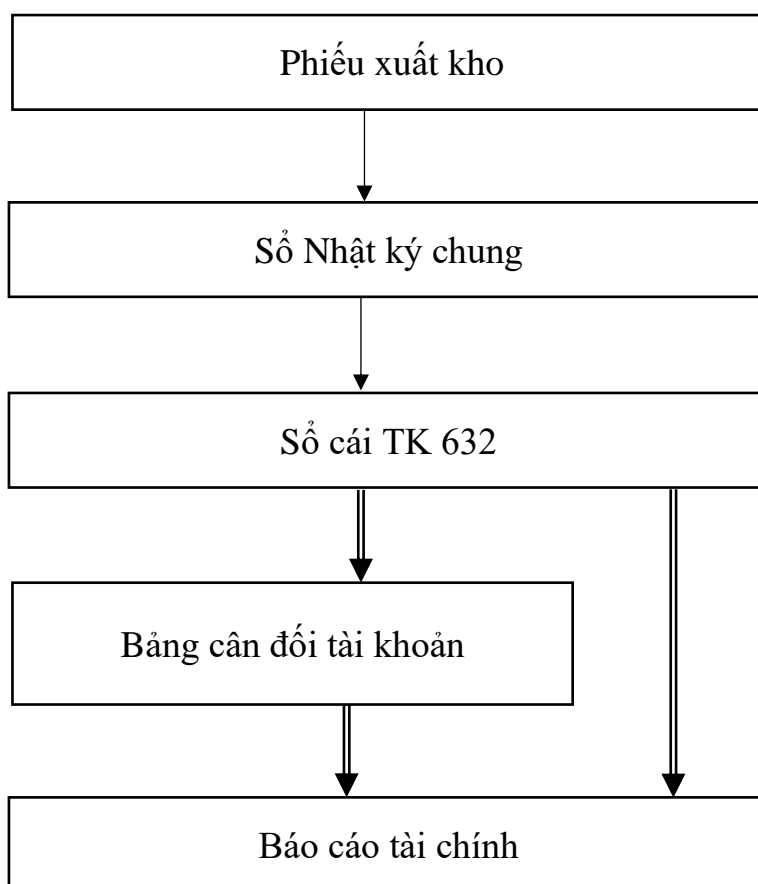
2.2.3.2. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632
- Phiếu kế toán

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán và các tài khoản khác có liên quan

2.2.3.4. Quy trình hạch toán



Ghi chú: —→ Ghi hàng ngày

 ==> Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán tại Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng

Ví dụ minh họa: tính giá vốn tháng 12 năm 2019

Biểu số 2.10: Sổ cái (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2018

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

SHTK: 154

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...	
PXK417	02/12	Xuất kho cấp đồng thực hiện hợp đồng 182/HĐKT SGT-VP				152 6.250.000	
					334	450.000	
...
PKT121	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 12/2018			632		1.559.650.770
		Cộng ps				18.576.844.689	18.576.844.689
		SDCK					

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11: Phiếu kế toán 121 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng

Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 121

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 12/2018	632	154	59.650.770
	Cộng			59.650.770

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng
Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, HP

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...
PXX417	02/12	Xuất kho cấp đồng thực hiện hợp đồng 182/HĐKT SGT-VP			154	6.700.000	
					152		6.250.000
					334		450.000
PKT121	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh tháng 12/2018			632	59.650.770	
					154		59.650.770
...
		Cộng				220.944.116.481	220.944.116.481

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: Sổ cái (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 Năm 2018
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
SHTK: 632

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...	
PKT121	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh tháng 12/2018			154	59.650.770	
PKT 123	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		22.551.842.584
		Cộng ps				22.551.842.584	22.551.842.584
		SDCK					

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ tại doanh chủ yếu là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp. *Chi phí quản lý kinh doanh của công ty bao gồm:*

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp, chi phí hành chính
- Chi phí mua văn phòng phẩm
- Lệ phí ngân hàng
- Tiền điện thoại
- Chi phí bằng tiền khác: chi phí tiếp khách, thuê môn bài....

2.2.4.1. Chứng từ sử dụng

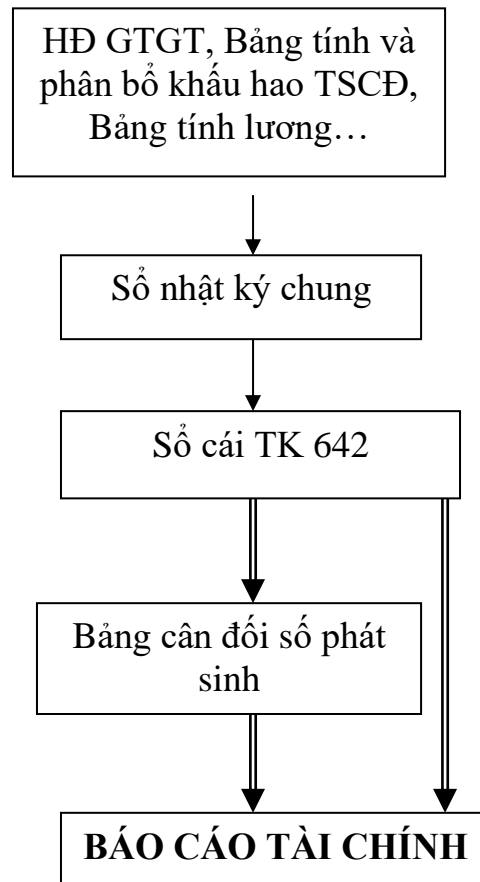
- Hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương
- Phiếu chi, giấy báo có của Ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 642 để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh. Trong đó sử dụng tài khoản chi tiết của TK 642 là:

- TK 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú: → Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

2.2.4.4. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 18/12, hóa đơn tiền điện tháng 11/2018 của công ty SCTV – EG Hải Phòng là 2.542.906đ, VAT 10%. Chi bằng tiền mặt

Căn cứ vào HĐ GTGT 1023405 (**Biểu số 2.12**) Kế toán lập phiếu chi số 332 (**Biểu số 2.13**)

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT 1023405 kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.16**)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 6422 (**Biểu số 2.17**)

- Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 21/12/2018, Công ty chi tiếp khách phục vụ cho văn phòng với trị giá 5.000.000 (chưa thuế VAT 10%)

- Căn cứ vào HĐ GTGT 0000583 (**Biểu số 2.14**) Kế toán lập phiếu chi số 338 (**Biểu số 2.15**)

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000583 kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.16**)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 6422 (**Biểu số 2.17**)

- Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT 1023405 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)



HOÁ ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)

Liên 2: Giao khách hàng

Từ ngày 10/11/2018 đến ngày 09/12/2018

Mẫu số: 01GTKT0/002

Ký hiệu: AE/18E

Số (No): 1023405

ID HĐ: 66559010

Công ty điện lực Hải Phòng - Điện lực Hồng Bàng

Địa chỉ : 45 Lê Đại Hành, Hoàng Văn Thụ, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Số điện thoại: 0313.515.101

Mã số thuế: 0200340211-001

Tên khách hàng (Purchaser): CN Công ty TNHH TH cáp SaiGonTourist - Hải Phòng

Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Hồng Bàng, HP

Số tài khoản (Account No):

Mã số thuế: 0201027019

Số TT	Số công tơ	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện năng tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
1	KT.1167.80	13570	12.579	1	991	2.566	2.542.906
Tổng cộng (Subtotal):							2.542.906
Thuế suất GTGT (Value Added Tax):							254.291
Tổng tiền thanh toán (Total amount):							2.797.197

Tổng tiền thanh toán viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn một trăm chín mươi bảy đồng.

Ngày: 18/12/2018

Người ký: Ông (bà) Nguyễn Anh Thắng

Biểu số 2.15: Phiếu chi 332 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

CN Công ty TNHH TH cáp SaiGonTourist - Hải Phòng
Số 155 đường Hà Nội, Hồng Bàng, HP

Mẫu số: 02 -TT
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 18 tháng 12 năm 2018

Số: 332

Nợ TK 642:	2.542.906
Nợ TK 1331:	254.291
Có TK 111:	2.797.197

Người nhận tiền: Phạm Thị Dinh

Lý do chi: Thanh toán tiền điện tháng 11/2018

Số tiền: 2.797.197

Chứng từ kèm theo: HĐ 1023405

(Viết bằng chữ): ***Hai triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn một trăm chín mươi bảy đồng.***

Ngày 18 tháng 12 năm 2018

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	--	--	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn một trăm chín mươi bảy đồng.

Biểu số 2.16: Hóa đơn GTGT 0000583 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Mẫu số: 01GTKT3/001					
HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2: Giao cho khách hàng				Ký hiệu: AA/18P	
Ngày 21 tháng 12 năm 2018				Số: 0000583	
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH TM và DV Gió Biển					
Mã số thuế: 02010169474					
Địa chỉ: Khu 2, Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng.					
Số tài khoản.....					
Điện thoại: 0943799408					
Họ tên người mua hàng: Vũ Văn Linh					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Công ty TNHH Truyền hình cáp SaiGonTourist – Chi nhánh Hải Phòng					
Mã số thuế: 0201027019					
Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt				Số tài khoản.....	
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Tiếp khách				5.000.000
Cộng tiền hàng:					
5.000.000					
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT:	
				500.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					
5.500.000					
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu số 2.17: Phiếu chi 338 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

CN Công ty TNHH TH cáp SaiGonTourist - Hải Phòng

Số 155 đường Hà Nội, Hồng Bàng, HP

Mẫu số: 02 -TT

(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 21 tháng 12 năm 2018

Số: 338

Nợ TK 642:	5.000.000
Nợ TK 1331:	500.000
Có TK 111:	5.500.000

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Văn Linh

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Chi tiếp khách

Số tiền: 5.500.000 đồng

(Viết bằng chữ): Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Ngày 21 tháng 12 năm 2018 Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)
------------------------------------	------------------------------------	-------------------------	--	--------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Biểu số 2.18: Sổ Nhật ký chung (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng
Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, HP

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2018

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...
BLT11	30/11	Hạch toán lương văn phòng tháng 11			6422	184.276.853	
					334		184.276.853
BLT11	30/11	Các khoản trích theo lương văn phòng tháng 11			6422	44.226.445	
					334	19.349.070	
					338		63.575.515
...
PC326 02/12	04/12	Trả tiền truyền hình CAP			6422	71.818	
					1331	7.182	
					111		79.000
...
PC332 HD 1023405	18/12	Trả tiền tiền điện			6422	2.542.906	
					1331	254.291	
					111		2.797.197
...
PC338 HD 0000583	21/12	Chi tiền tiếp khách			6422	5.000.000	
					1331	500.000	
					111		5.500.000
...
		Cộng				220.944.116.481	220.944.116.481

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Sổ cái TK 642 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2018

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

SHTK: 642

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...
BLT11	30/11	Hạch toán lương NVVP Tháng 11			334	184.276.853	
BLT11	30/11	Các khoản trích theo lương NVVP tháng 11			338	44.226.445	
PC332 HD 1023405	18/12	Trả tiền tiền điện			111	2.542.906	
...
PC338 HD 0000583	21/12	Chi tiền tiếp khách			111	5.000.000	
...
PKT123	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			911		3.516.751.910
		Cộng				3.516.751.910	3.516.751.910

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho các đối tượng quan tâm khác: cục thuế, ngân hàng,... Vì vậy báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan. Nội dung báo kết quả kinh doanh của công ty TNHH Truyền hình cáp SaiGontourist – Chi nhánh Hải Phòng.

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty được xác định trong niên độ tài chính là một năm từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm theo quy định của Nhà nước và được thể hiện trên Báo cáo tài chính năm.

2.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán

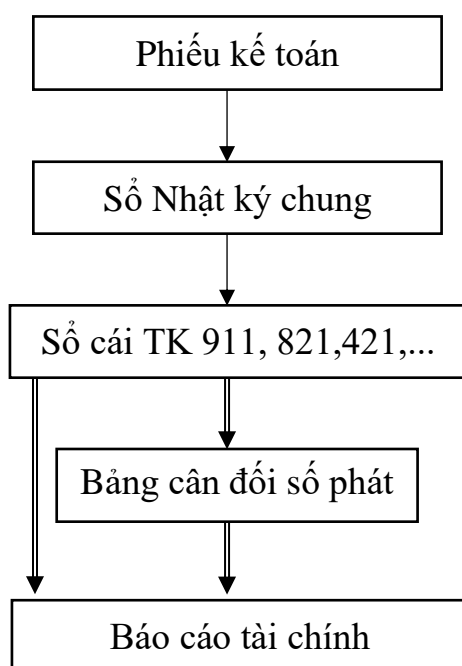
2.2.5.2. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các TK 911, TK 421, TK 511, TK 515, TK 632, TK 642, , TK821.

2.2.5.3. Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản có liên quan: TK 511, TK 515, TK 632, TK641, TK642, TK821.

2.2.5.4. Quy trình hạch toán



Ghi chú : → Ghi hàng ngày
 ⇒ Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng

❖ **Trình tự hạch toán**

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ Sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào sổ Nhật ký chung rồi vào Sổ cái các tài khoản: TK 911, TK 821, TK 421. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

2.2.5.5 Ví dụ minh họa

Ví dụ: Ngày 31/12/2018 : Các bút toán kết chuyển cuối năm 2018 và xác định kết quả kinh doanh

Biểu số 2.20: Phiếu kế toán 122 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng

Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 122

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu và cung cấp dịch vụ	511	911	26.208.306.047
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	6.652.083
	Cộng			26.214.958.130

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21: Phiếu kế toán 123 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng

Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 123

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	22.551.842.584
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	3.516.751.910
	Cộng			26.068.594.494

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22: Phiếu kế toán 124 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng

Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 124

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	32.200.000
	Cộng			32.200.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán 125 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng

Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 125

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	32.200.000
	Cộng			32.200.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán 126 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng

Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 126

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2018	911	421	114.163.636
	Cộng			114.163.636

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25: Nhật ký chung (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cấp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng
Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, HP

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...
31/12	PKT 122	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	26.208.306.047	
				515	6.652.083	
				911		26.214.958.130
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911	26.068.594.494	
				632		22.551.842.584
				642		3.516.751.910
31/12	PKT 124	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821	32.200.000	
				3334		32.200.000
31/12	PKT 125	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	32.000.000	
				821		32.200.000
31/12	PKT 126	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	114.163.636	
				421		114.163.636
			Cộng lũy kế từ năm trước		220.944.116.481	220.944.116.481

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26: Sổ cái 911 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng
Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, HP

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2018

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
PKT122	31/12	Kết chuyển doanh thu, bán hàng	511		26.208.306.047
PKT122	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		6.652.083
PKT123	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	22.551.842.584	
PKT123	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	3.516.751.910	
PKT125	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	32.200.000	
PKT126	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	114.163.636	
		Cộng số phát sinh năm		26.214.958.130	26.214.958.130
		Số dư cuối năm			

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.27: Sổ cái 821 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng
 Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sò Dầu, Hồng Bàng, HP

Mẫu số: S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2018

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
PKT124	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	32.200.000	
PKT125	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		32.200.000
		Cộng số phát sinh năm		32.200.000	32.200.000
		Số dư cuối năm			

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.28: Sổ cái 421 (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải
 Phòng
 Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng,
 HP

Mẫu số: S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2018

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			<u>402.551.437</u>
PKT126	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	911		114.163.636
		Cộng số phát sinh năm			114.163.636
		<u>Số dư cuối năm</u>			<u>516.715.073</u>

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.29: Bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Nguồn: Phòng kế toán Chi nhánh truyền hình cáp SCTV – EG Hải Phòng)

Đơn vị: Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng
Địa chỉ: Số 155 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, HP

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm: 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	26.208.306.047	21.926.416.412
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		26.208.306.047	21.926.416.412
4	Giá vốn hàng bán	11		22.551.842.584	19.053.246.357
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.656.463.463	2.873.170.055
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.652.083	27.335.042
7	Chi phí tài chính	22		0	0
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		3.516.751.910	2.384.413.511

9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		146.363.636	516.091.586
10	Thu nhập khác	31		0	0
11	Chi phí khác	32		0	0
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	146.363.636	516.091.586
14	Chi phí thuế TNDN	51		32.200.000	113.540.149
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		114.163.636	402.551.437

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH CẤP SAIGONTOURIST – CHI
NHÁNH HẢI PHÒNG****3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Truyền hình cấp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng*****3.1.1 Ưu điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Truyền hình cấp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng***

Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng luôn đạt hiệu quả cao trong lĩnh vực kinh doanh đồng thời đảm bảo đầy đủ công việc cho người lao động và thu nhập của cán bộ công nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước luôn đầy đủ. Điều đó khẳng định vai trò và vị thế của Công ty trên toàn quốc.

➤ **Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty:** cán bộ kế toán có tính độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, có sự nhiệt tình và lòng yêu nghề luôn hoàn thành tốt công việc được giao. Công ty luôn hạn chế xảy ra các sai phạm trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê.

➤ **Chứng từ kế toán:** Các chứng từ sử dụng trong hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy tránh sự chòng chẹo và đảm bảo nguyên tắc phân công nhiệm vụ rõ ràng.

➤ **Sổ sách kế toán:** các sổ sách kế toán được ghi chép rõ ràng, đúng chế độ, lưu trữ theo đúng chuẩn mực và quy định của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Ưu điểm của phương pháp này là tránh được việc ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu nhanh để lập báo cáo tài chính một cách chính xác.

➤ **Về tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh

- Về tổ chức kế toán chi phí : Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2 Nhược điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng

Bên cạnh những ưu điểm trên về tình hình doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng cũng vẫn tồn tại nhiều điểm hạn chế.

➤ **Việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:** Trong quá trình tiêu thụ công ty không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán

cho khách hàng khi mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi này sẽ làm giảm không nhỏ một số lượng khách hàng của công ty và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty.

➤ **Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:** Công tác kế toán tại công ty vẫn dựa vào lối hạch toán thủ công truyền thống. Tuy đã ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán nhưng mới chỉ dừng lại ở việc mở sổ sách và tính toán trên Microsoft Office (Word, Excel,..) nên khối lượng công việc của các kế toán viên còn khá lớn, chưa giảm bớt được áp lực về thời gian, tính chính xác trong khâu lập sổ sách cũng như các báo cáo tài chính.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist – Chi nhánh Hải Phòng

3.2.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì mỗi doanh nghiệp đều phải lập được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Muốn vậy, trước hết công ty phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán là một bộ máy quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ một cách khoa học, có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ. Việc lập báo cáo tài chính sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như nhà quản lý, nhà đầu tư,... một cách chính xác, đầy đủ.

3.2.1.2 Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng

Ngày nay, việc hoàn thiện từng phần hành kế toán, tiến tới hoàn thiện toàn bộ bộ máy kế toán để đáp ứng yêu cầu đổi mới và đạt hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và quản lý kinh doanh luôn là vấn đề được đặt lên hàng đầu đối với các nhà quản lý kinh tế. Xuất phát từ nhu cầu này, Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng luôn đề cao, coi trọng công tác hoàn thiện bộ máy kế toán của mình, đặc biệt là hoàn thiện phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Việc hoàn thiện phần hành kế toán này phải dựa trên những quy tắc và chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.
- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh một cách kịp thời, chính xác là điều hết sức quan trọng và cần thiết đối với các cơ quan chức năng, cụ thể như:
 - + Đối với cơ quan thuế: giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước
 - + Đối với ngân hàng: giúp cho việc thu hồi vốn và lãi.
 - + Đối với khách hàng: thể hiện năng lực của doanh nghiệp và tạo được uy tín đối với khách hàng.
 - + Đối với ban lãnh đạo của doanh nghiệp: giúp cho việc quản lý, điều hành, đưa ra phương hướng và kế hoạch cho kỳ kinh doanh tiếp theo. Phát huy thế mạnh và khắc phục điểm yếu để ngày càng hoàn thiện và phát triển hơn.
- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai. Đây là điều được đặc biệt quan tâm của cả doanh nghiệp và các bên liên quan.

3.2.1.3. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn, đưa công tác kế toán đi vào nề nếp hoạt động. Việc hoàn thiện cần phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước quy định nhưng không cứng nhắc mà luôn phải linh hoạt.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện hoạt động kinh doanh có hiệu quả, do đó phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình.
- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng

Qua thời gian thực tập để tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng em nhận thấy công tác kế toán của công ty về cơ bản đã tuân thủ đúng thủ tục chế độ kế toán của Nhà nước và Bộ Tài chính ban hành, đồng thời phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó công ty vẫn còn những hạn chế và thiếu sót cần được khắc phục. Em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

➤ Ý kiến thứ nhất: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán giúp

khuyến khích khách hàng thanh toán nợ trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán chưa có quy định thống nhất của Bộ Tài Chính. Vì vậy, mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty dựa trên tình hình của công ty, lãi suất tiền gửi thanh toán tại ngân hàng doanh nghiệp mở tài khoản và cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán phải được ghi nhận cụ thể trong hợp đồng kinh doanh được kí kết giữa 2 bên, đây cũng là điều kiện cần và đủ để làm căn cứ thực hiện chiết khấu thanh toán đối với mỗi khách hàng.

- Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 635: Chi phí tài chính

- Phương pháp hạch toán:

+ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131, 111, 112,...

+ Cuối năm kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

Năm 2018, doanh nghiệp chủ yếu giao dịch qua tài khoản ngân hàng Viettinbank. Tại thời điểm này mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng Viettinbank năm 2018 là 6,8% /năm, mức lãi suất cho vay là 10,5%/ năm.

Để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán cao hơn mức lãi suất tiết kiệm, nhưng không được vượt quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng. Doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán là 8,5%/ năm dựa theo lãi suất ngân hàng Viettinbank.

- Chiết khấu thanh toán được hưởng = Tổng số tiền thanh toán trước hạn x Tỷ lệ chiết khấu x Số ngày thanh toán trước hạn.

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 02/04/2018 Công ty lắp đặt truyền hình cáp và internet cho công ty TNHH Thép Minh Công số tiền 136.625.500đ (bao gồm cả thuế GTGT). Chưa thu tiền.
Định khoản:

Nợ TK 131: 136.625.500

Có TK 511: 124.205.000

Có TK 3331: 12.420.500

Ngày 10/04/2018 Công ty TNHH Thép Minh Công đã thanh toán toàn bộ 100% tiền hàng mua ngày 02/04/2018. Mặc dù theo hợp đồng ngày 27/04/2018 công ty TNHH Thép Minh Công mới phải thanh toán tiền hàng. Công ty TNHH Thép Minh Công đã thanh toán trước 18 ngày. Kế toán tính chiết khấu thanh toán cho công ty TNHH Thép Minh Công như sau:

=> Tiền chiết khấu = $(8,5\% / 360) \times 18 \times 136.625.500 = 580.658$ (đồng)

=> Số tiền chiết khấu cho công ty TNHH Thép Minh Công là 580.658 đồng.

Định khoản:

Nợ TK 635: 580.658

Có TK 111: 580.658

➤ Ý kiến thứ hai : Về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kết toán

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban

Giám đốc. Giúp ban Giám đốc có thể đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh.

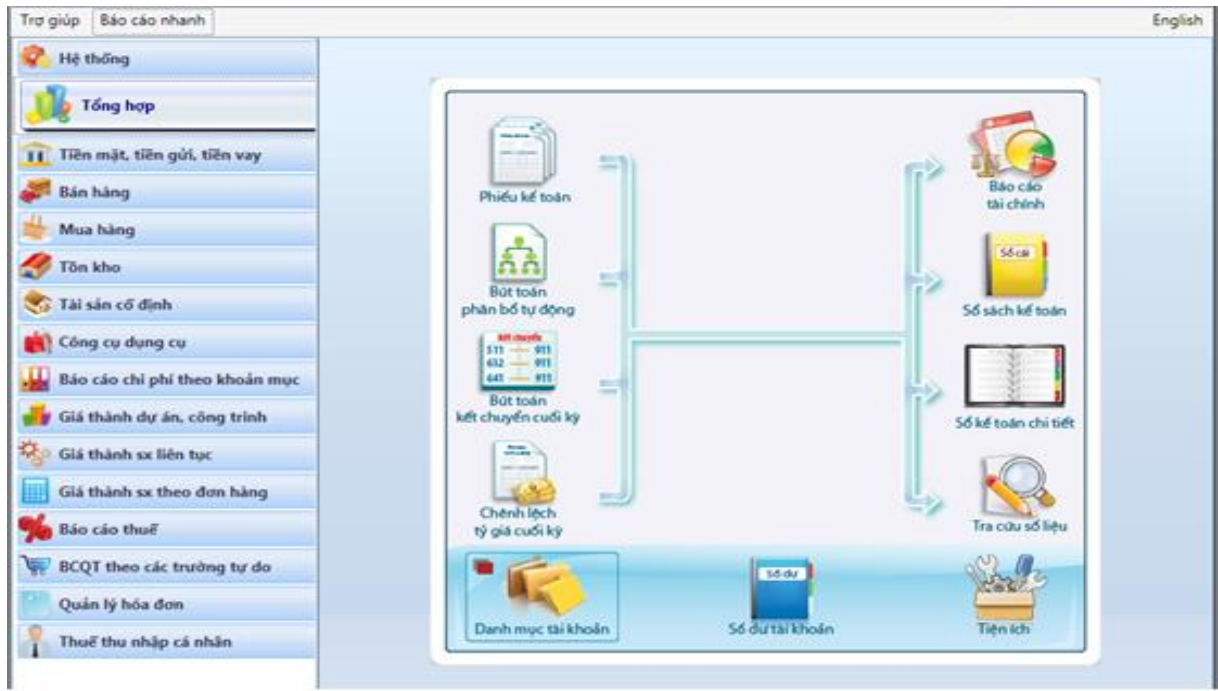
Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu trữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp và quản lý bảng lương nhân viên,...giúp cho việc theo dõi, kiểm tra của nhà quản lý được thuận lợi và dễ dàng hơn.

Một số giao diện về các phần mềm kế toán phổ biến hiện nay:

- Phần mềm kế toán Fast Accounting
- Phần mềm kế toán MISA
- Phần mềm kế toán 3TSOFT



Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA



Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting



Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán 3T SOFT

➤ **Ý kiến thứ ba:** Về kế toán bán hàng

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả bán hàng là phần việc cơ bản nhất bởi vì nó quyết định đến chất lượng toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp vì vậy cần thường xuyên kiểm tra các chỉ tiêu mua bán hàng hoá, chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và kết quả bán hàng, phản ánh tình hình biến động của vốn hàng hoá một cách đầy đủ cũng như tổ chức sổ kế toán chi tiết, tổng hợp khoa học để theo dõi, xác định đúng doanh thu, kết quả, ứng dụng phương pháp hạch toán là công cụ hiện đại trong quản lý. Đồng thời hoàn thiện việc lập kiểm tra và lưu chuyển chứng từ kế toán là cơ sở tổ chức đúng đắn kế toán ban đầu của cả quá trình cung cấp dịch vụ hàng hoá và kết quả tiêu thụ hàng hoá.

Về lâu dài, khi chi nhánh công ty phát triển hơn, chi nhánh công ty cần tuyển thêm kế toán viên có năng lực để giảm bớt sự kiêm nhiệm nhiều phần hành của một kế toán viên. Hiện nay, nguồn cung lao động kế toán rất dồi dào vì vậy việc tuyển chọn kế toán viên phù hợp với yêu cầu công việc cũng như khả năng tài chính của công ty cũng không gặp nhiều khó khăn.

Để thương hiệu, tên tuổi công ty đến được với khách hàng thì việc quảng cáo là cần thiết. Hiện tại do cơ cấu tổ chức không lớn, nguồn nhân lực ít công ty chưa thể thành lập một bộ phận Marketing riêng. Việc đầu tiên công ty cần làm đó là thường xuyên cập nhật thông tin trên website của mình, thông qua website khách hàng có thể nắm được tình hình của công ty, hiểu rõ hơn về các mặt hàng chi nhánh công ty cung cấp. Đó cũng là một hình thức quảng bá hình ảnh của công ty. Theo em việc này công ty nên giao trực tiếp cho trưởng phụ trách bộ phận kinh doanh bởi đây là người hiểu biết rất rõ về hoạt động bán hàng của công ty và đây cũng là người có kiến thức sơ qua trong việc thiết kế, trang trí website. Sau đó khi điều kiện kinh tế cho phép công ty có thể đăng các quảng cáo qua báo, đài hoặc một số website có tỷ lệ truy cập cao.

➤ **Ý kiến thứ tư:** Về quản lý công nợ

Để việc quản lý công nợ hiệu quả, tránh trường hợp nợ đọng kéo dài, nợ khó đòi... Chi nhánh công ty cần thực hiện một phổ biến pháp sau:

- Xây dựng hạn mức tín dụng bao gồm:

+ Quy định về thời gian được phép nợ sau khi xuất hoá đơn là bao nhiêu ngày.

+ Đối tượng nào được phép nợ, đối tượng nào không được phép nợ phải thanh toán trước khi giao hàng.

+ Cho phép khách hàng được phép nợ tối đa bao nhiêu tiền, đối tượng nào được nợ nhiều, đối tượng nào được nợ ít, đối tượng nào không được nợ. Vì vậy công ty SCTV-EG Hải Phòng cần thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả của công tác bán hàng như: Có chiết khấu thanh toán đối với khách hàng thanh toán sớm, chiết khấu thương mại đối với khách hàng mua hàng hoá với số lượng lớn.

Như vậy nếu công ty thực hiện bán hàng có tính đến các khoản giảm trừ một cách hợp lý thì sẽ thu hút thêm nhiều khách hàng đồng thời tính chính xác được doanh thu thuần của doanh nghiệp trong hoạt động bán hàng.

- Sát sao trong việc thu nợ: Quy định ngày gửi công văn nhắc nợ khi phát hành hóa đơn và khi nợ đến hạn. Gửi công văn đòi nợ nếu khách hàng chưa thanh toán khi nợ đến hạn, quá hạn.

➤ **Ý kiến thứ năm:** 3 Về vấn đề trích lập dự phòng

** Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Trong hoạt động kinh doanh của chi nhánh công ty có những khoản phải thu mà người nợ khó hoặc không có khả năng trả nợ nhưng ở chi nhánh công ty vẫn chưa thực hiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi. Vì vậy để đề phòng việc thất thu, khi khách hàng không có khả năng thanh toán, và hạn chế việc đột biến về kết quả kinh doanh trong một số kế toán chi nhánh công ty cần lập dự phòng khoản thu khó đòi. Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc chi nhánh công ty tính trước vào chi phí quản lý doanh nghiệp một khoản chi để khi có các khoản nợ không đòi được thì tình hình tài chính của chi nhánh công ty

không bị ảnh hưởng nhiều. Về nguyên tắc việc lập dự phòng phải thu khó đòi phải có những bằng chứng đáng tin cậy về các khoản nợ phải thu khó đòi như: khách hàng bị phá sản, hoặc không có khả năng thanh toán... chi nhánh công ty đã làm thủ tục đòi nợ nhiều lần mà vẫn không thu hồi được nợ. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo tài chính. Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi và việc xử lý nợ phải thu khó đòi theo quyết định của chế độ tài chính quy định doanh nghiệp, trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách hàng đang trong tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể... thì chi nhánh công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, chi nhánh công ty tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

** Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Do hình thức kinh doanh của chi nhánh công ty thực tế hiện nay nhiều khi phải mua hàng về kho để chuẩn bị cho hoạt động phân phối lưu thông tiếp theo. Việc này không tránh khỏi sự giảm giá thường xuyên, liên tục của hàng hóa trong kho.

Vì vậy, chi nhánh công ty nên dự tính khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc tính trước vào giá vốn hàng bán phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn so với giá ghi sổ của kế

toán hàng tồn kho. Cuối kỳ nếu kế toán nhận thấy có bằng chứng chắc chắn về sự giảm giá thường xuyên cụ thể xảy ra trong kỳ kế toán tiến hành trích lập dự phòng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm giúp chi nhánh công ty bù đắp các thiệt hại thực tế xảy ra do hàng hóa tồn kho giảm giá, đồng thời cũng để phản ánh giá trị thực tế thuần túy hàng tồn kho của chi nhánh công ty nhằm đưa ra một hình ảnh trung thực về tài sản của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán.

Trước tiên chi nhánh công ty phải ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại hàng tồn kho. Việc ước tính này dựa trên những bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính và phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện hiện có ở thời điểm ước tính.

Trên cơ sở đó doanh nghiệp xác định số dự phòng cần lập cho năm tiếp theo bằng các bước công việc sau:

- Kiểm kê số hàng tồn kho hiện có từng loại
- Lập bảng kê hàng tồn kho về số lượng và giá trị mua vào, đối chiếu với giá trị thuần có thể thực hiện được vào ngày kiểm kê – ngày cuối niên độ báo cáo.

- Tính mức dự phòng theo công thức sau

$$\text{Mức trích dự phòng giảm giá HTK} = \text{Số lượng HTK bị giảm giá} \times (\text{Giá trị trên sổ kế toán} - \text{Giá trị thuần có thể thực hiện tại thời điểm lập BCTC})$$

- Tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho vào bảng kê chi tiết; bảng kê này là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp giữ vị trí, vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp biết được doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược làm cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, phát triển và đứng vững trên thị trường.

Xuất phát từ thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói riêng và công tác quản lý nói chung của công ty.

Mặc dù đã rất cố gắng xong bài khóa luận này không thể tránh khỏi những sai sót và hạn chế nhất định, em rất mong nhận được sự chỉ bảo góp ý của các thầy cô giáo, ban lãnh đạo và các anh chị trong phòng kế toán của Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng để đề tài của em có giá trị thực tế.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn của cô giáo là Th.s.Trần Thị Thanh Phương, ban lãnh đạo và đặc biệt là các anh chị trong phòng kế toán của Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, tháng ... năm 2019

Sinh viên

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thế Chi (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Đặng Thị Loan (2016), *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân.
3. Thông tư 133/2016/TT- BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính.
4. Tài liệu kế toán của Chi nhánh truyền hình SCTV – EG Hải Phòng năm 2018